

Mật Tạng Bộ 1 _ No. 874 (Tr. 310 _ Tr. 317).

***KIM CƯƠNG ĐỈNH NHẤT THIẾT NHƯ LẠI
CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH***

*Phạn Hán dịch: Đồi Đường_ Đắc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Tam Tạng
Sa Môn BẤT KHÔNG Phụng chiếu dịch.*

Việt dịch: HUYỀN THANH.

Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 27-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

QUYỀN THƯỢNG
QUYỀN HẠ

---o0o---

THÂM DIỆU BÍ MẬT KIM CƯƠNG GIỚI TAM MUỘI GIA

QUYỀN THƯỢNG

TU TẬP DU GIÀ NGHI (Thứ Nhất)

Cúi lạy Bạc Già Phạm,

Đại Tỳ Lô Giá Na,

Hay vì Tự Tại Vương.

Diễn nói Kim cương Giới,

Pháp Công Đức vô biên,

Thành năm Luân Giải Thoát

Ba mươi bảy Trí Thân.

Nay con quy mệnh lễ,

Du già Đại Giáo Vương,

Khai diễn một Phật Thừa,

Ba Mật Tạng Như Lai

Là Thừa không thể sánh,

Tối thượng tối đệ nhất

Chi:Phật Bất Cộng Trí (Trí chẳng chung cùng của Phật)

Tương ứng thành Phật Môn.

Vì khiến kẻ ngộ nhập

Viên thành Pháp Thân tịnh

Bạc Già Phạm ba đời

Đều y Pháp này thành

Vì thế các Như Lai

Kính lễ Pháp NHƯ LÝ

Nếu người tu Pháp này

Khéo trụ địa vị Thầy

Đủ Tộc Tính Tướng Tốt

Tâm điều nhu (mềm dịu khéo dạy) ngay thẳng

Thường dùng Giới nghiêm thân

Thanh tịnh không sợ hãi

Nơi Thừa Bí Mật này

Quyết định Tín Giải sâu.

Nghĩa: Không, Hữu, Tính, Tướng.

Tùy Hóa Đạo nên biết

Trụ phương tiện Đại Bi

Hoằng nhiếp các Quần Phẩm

Hay khiến điều sở y.

Đến được Như Lai vị (địa vị của Như Lai)

Đã vào Kim Cương Giới

Đại Đạo Trường Chư Phật

Sinh tại nhà Như Lai

Nhận Quán Đỉnh Pháp Vương.

Chiêm lễ nơi Thánh Tôn.

Chẳng bỏ Tâm Bồ Đề

Cung kính A Xà Lê.

Ngang bằng tất cả Phật

Bao nhiêu lời Giáo Hối

Đều nên phụng hành hết
Ôu các nơi Đồng Học
Chẳng sinh Tâm kiêu mạn
Kính như Kim Cương Thủ
Cho đến các Hàm Thức
Cũng chẳng nên khinh não
Các hàng Trời, Thần, Tiên
Đều chẳng nên lễ phụng
Đừng hủy báng, ngạo mạn.
Nhìn thấy các Pháp Cụ
Chẳng cỡi lên, đùa nghịch
Vì trong Đạo Trường này
Nơi các Thánh giữ gìn
Gần gũi theo Đạo Sư (A Xà lê).
Được truyền dạy Quán Đỉnh
Hiểu rõ Tam Ma Gia (Samaya_ Bản thể)
Các đạo Chánh Biến Tri
Thông minh, giáo: rộng, lược
Thân, Ngữ, Tâm Du Già
Khéo giải Man Đa La (Manīdīala)

Liễu nghĩa thật Chân Ngôn.

A Xà Lê như vậy.

Chư Phật, nơi xung tán

Ngang bằng Bạc Già Phạm.

Đại Tỳ Lô Giá Na,

Tức là các Như Lai

Kim Cương, Liên Hoa Thủ,

Hư Không, Xảo Nghiệp Tôn.

Cho nên thủ hộ chắc

Tam Muội Gia Đại Tôn

Vượt hơn thân mệnh nhiều,

Thường tu Nghi Thức ngoài

Tẩy xúc, nhám Xi Mộc.

Ăn, Đậu Khấu, Hương Xoa (Đồ Hương – dầu thơm)

Khiến thân khẩu thơm sạch.

Chẳng nên ăn Huân tạp

Rượu thịt, các uế xúc.

Ăn uống lia các lỗi

Chẳng nên cùng người khác

Ngồi nằm chung một giường.

Thường Khiết thân Tịnh căn.

Khiến trong ngoài không nhơ.

Chẳng để móng tay dài

Ở bản là Nghịch Giáo

Trong: ấy là sáu căn

Dùng ba Mật tịnh trừ

Ngoài: là các Nghi Tác

Pháp, nước thơm quán đỉnh

Hoặc ngoài duyên chẳng đủ

Liên dùng Pháp Tĩnh Trừ

Lý Thú này tối thắng

Nên quán niệm chữ Lam (劣- RAMi)

Tĩnh trừ dơ trong ngoài

Chẳng tắm thành tám gội

Gột rửa ngang Hư Không.

Không dơ như Pháp Giới

Tương ứng đủ Sự Lý.

Như Lai rất khen ngợi

Sơ (ban đầu) khởi Kim Cương Định

Hiểu (Giác) khắp các Quán Phẩm

Đi tức Như Lai đi

Ngồi tức Như Lai ngồi

Các Nhập, không ngôn thuyết

Một Âm tràn Pháp Giới

Lợi lạc hết không sót

Thế Gian: Khí, Hữu Tình (2 loại Thế Gian)

Nghiêm tĩn Như Lai Thổ.

Nếu Tụ Tha kiến lập

Thắng Định Man Noa La

Chọn đất kết Đàn Trường

Như Kinh đã diễn nói

Trên thí lọng Diệu Thiên

Chung quanh đều treo phướng

Chuỗi ngọc, chuông, phong linh...

Xen kẽ rữ cúng dường.

Bày vị trí các Tôn.

Rải hoa mùa trang nghiêm.

Hiền Bình, nước Ứ Già

Hương đốt, hoa, dầu thơm

Đèn sáng, thức ăn uống

Vật báu chứa vàng bạc

Lại dùng chén trong sạch.

Rải nước thơm Chân Ngôn.

Lại dùng hương đốt xông.

Bày biện bốn bên Đàn

Thành tâm tác cúng dường.

Kẻ tu hành Du Già

Mỗi lúc vào Đàn Trường

Quán Thân như Phổ Hiền (Samanta Bhadra)

Chân đạp lên hoa sen.

Đến nơi cửa Tinh Thất

Đóng cửa xung chữ Hồng (HUMi)

Trợn mắt (Nộ mục) trừ bất tường.

Tức năm thể sát đất.

Kính lễ chân Thế Tôn.

Với Pháp Nhất Thừa, Tăng.

Liên quỳ dài chấp tay.

Đủ Pháp mới nên vào

Kim Cương Tam ma địa (Vajra Samàdhi)

Chữ LAM (劣_RAMi) phát lửa Trí

Đốt trừ Nhân hư vọng

Nhóm: Tình, Khí, Hư Không.

Đều tác ý Như Lý

Tâm thành tựu Như Lý

Đây gọi là Pháp Tính (Dharmatà)

Pháp an trụ Pháp Vị

Đây gọi là Pháp Giới

Lại gia Thân, Khẩu, Tâm

Thành ba Thân ba Mật.

Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát

Cần phải khéo tu tập

Xoa dầu thơm khắp tay

Lại dùng hương đốt xông

Kết Tịnh Khí Thế Gian.

Tịch Quang Hoa Tạng Ấn.

Liên dùng tay Định Tuệ (2 bàn tay)

Quán niệm pháp Ly Trần (lìa bụi dơ)

Chân Ngôn xưng, như vậy

“Ấn – Bá nho ba nga đát tát phộc Đạt Ma”

𨮒 全介 珈扔丫半 屹楠叻猷

* OMĪ – RÀJA UPAGATAHĪ SARVA DHARMA

Tiếp nên tịnh ba nghiệp

Quán bản thân thanh tịnh

Tụng Chân Ngôn Minh này

Được ba nghiệp đều tịnh.

Tĩnh Thân Chân Ngôn là:

“Án – Tát phộc bà phộc truat đà, tát phộc đạt ma

Tát phộc bà phộc, truat độ Hám”

馮 辱矢向 圩益 屹楠 叻豸 辱矛向 圩砰猪

* OMĪ – SVABHÀVA (SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHÀVA
(SUDDHA UHÀMĪ

Do Chân Ngôn này nên

Thân ấy thành Pháp Khí

Nơi Hư Không, quán phật

Tràn đầy như hạt mè

Liên tụng Biến Chiếu Minh.

Thấy Chư Phật rõ ràng

Quán Phật Chân Ngôn là:

“Khiêm – phộc nhật la đà đở”

丈 向忝四加

* KHAMĪ – VAJRADHÀTU.

Cảnh giác các Như Lai

Đàn Tuệ (2 ngón út) móc chặt nhau.

Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng vịn nhau.

Đấy gọi là Khởi Ấn

“Ấn – phộc nhật_la để sắt_xá Hồng”

𨮒 向忝 凸岨 嫿

* OMĪ – VAJRA TISĪTĪA HŪMĪ

Tượng chữ Hồng (嫿 _ HŪMĪ) tại tim

Biến thành chày Ngũ cổ (Chày Kim Cương có 5 chia)

Nên tượng trong toàn thân

Bao nhiêu số bụi nhỏ

Là Kim Cương Tát Đỏa (Vajrasatva)

Kim Cương Chương duỗi tý (cánh tay)

Toàn thân sụp đất lễ

Xả thân khắp Pháp Giới

Phụng hiến A Súc Tôn (Aksīobhya)

Hết lễ, thờ Chư Phật.

Chân Ngôn là: “Ấn – Tát phộc đất tha nga đá – Bồ tổ bá_tha nãg đã đất_ma
nãh – Nễ lị_dã đã dã nhĩ – tát phộc đất tha nga đa, phộc nhật_la tát_đất
phộc, địa sắt_xá, sa_phộc hàm, hồng”

𨳗 屹漚凹卡丫凹 幫介 扔辱左伏 狛撻觥 市淘凹 仲亦 屹漚 凹卡丫凹
向忝屹班囚泐 颯伐 嫿

* OMĪ – SARVA TATHĀGATA PŪJA PASVANĀYA ATMANĀMĪ
NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRASATVA ADHISĪTĪA
SVĀMAMĪ – HŪMĪ.

Tiếp tướng chữ Đát_Lạt (獨_ TRĀHĪ)

Báu Kim Cương ở trán

Tướng thân là bình báu

Số bụi nhỏ trong thân

Tướng thành Kim Cương Tạng (Vajra Garbha)

Toàn thân dùng trán lễ

Kim Cương Chương ở Tim.

Phụng hiến Bảo Sinh Tôn (Ratna Samibhava)

Tướng ở vô biên cõi

Tay cầm mào Ngũ Phật

Rưới tất cả đỉnh Phật.

Chân Ngôn là: “Án – Tát phộc đát tha nga đá, bố nhạ tị sái ca dĩa đát_ma
năm – Nễ ly_dĩa đá dĩa nhĩ – Tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật_la la đát_ma
tị sái tả, sa_phộc hàm, đát_lạc”

𨳗 屹漚 凹卡丫凹 幫灰石宇乙伏 狛撻觥 市淘凹 仲亦 屹楠 凹卡丫凹
向忝先寒 狛石趨弋 颯伐 獨

* OMĪ – SARVA TATHÀGATA PÙJA ABHISĪAIKÀYA ATMANÀMĪ
NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA RATNA
ABHISĪMĪCA SVÀMAMĪ – TRÀH.Ī

Miệng: Quán chữ Ngột_Lị (𧄂 _ HRĪHĪ)

Liên tưởng sen tám cánh

Quán thân là hoa sen

Số bụi nhỏ trong thân

Tưởng thành Kim Cương pháp (Vajra Dharma)

Toàn thân dùng miệng lễ

Kim Cương Chương ở đỉnh

Phụng hiến vô lượng thọ (Amitàyus)

Tưởng khắp các Phật Hội

Mà thỉnh chuyên Pháp Luân.

Chân Ngôn là: “Án – Tát phộc đát tha nga đá, bô nhạ bát_la phộc đá nằng đã
đát_ma nẫm, nễ lị_dã đá đã nhĩ – Tát phộc đát tha nga đá, phộc nhậ_la đật
ma bát_la phộc li_đá đã, sa_phộc hàm, ngột_lị_dĩ”

𧄂 屹漚 凹卡丫凹 翳介 盲向彎左仲撻脩 市淘凹 仲帆 屹漚 凹卡丫凹
向忝叻猷 盲向彎左伏 颯 猷

* OMĪ – SARVA TATHÀGATA PÙJA PRAVARTTANÀYA
ATMANÀMĪ NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA
DHARMA PRAVARTTÀYA SVÀMAMĪ – HRĪHĪ.

Tưởng chữ A (𧄂 _ AHĪ) ở đỉnh

Biến thành Nghiệp Kim Cương (Vajra Karma)

Quán thân thuần Kim Cương.

Số bụi nhỏ trong thân

Đều thành Kim Cương nghiệp

Toàn thân dùng đỉnh lễ

Kim Cương Chưởng ngang tim.

Phụng kiến Bất Không Tôn (Amogha Siddhi)

Tướng ở khắp Tập Hội

Quán Thân Nghiệp Kim Cương.

Rồi tác cúng dường lớn.

Chân Ngôn là: “Án – Tát phộc đát tha nga đá, bố nhạ ca lố ma ni, a đát_ma
nằm, nễ li_dã đá dã nhĩ – tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật_la ca lố_ma, câu
lố, sa_phộc hàm, A”

𑖀 屹漚 凹卡丫凹 幫介一猥仗 狛撻脍 市淘凹 仲亦 屹漚 凹卡丫凹
向忝一猥 乃冰 颯滌 嫵

* OMĪ – SARVA TATHĀGATA PŪJA KARMAṆĪ ATMANĀMĪ
NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA KARMA KURU
SVĀMAMĪ – AHĪ.

Tiếp kết Kim Cương Trì Đại Ân

Thiền Tuệ (ngón cái phải và ngón út trái) Đản Trí (ngón út phải và ngón cái
trái) cùng cài ngược

Gối phải sát đất đặt (Kim Cương Chưởng) trên đỉnh

Mỗi mỗi tướng lễ chân Như Lai

Duỗi ngón từ đỉnh như rũi đại

Từ Tim xoay chuyển như thế múa

Kim Cương Hợp Chương đặt trên đỉnh

Chân Ngôn là: “Án – Tát phộc đát tha nga đá, ca lỗ nhĩ, phộc chỉ tức đá,
phộc nhật_la, bát_la noa một, phộc nhật_la, măn ná nãm, ca lỗ nhĩ – Án
phộc nhật_la, vật”

𑖀 𑖄𑖅 𑖆𑖇 𑖈𑖉 𑖊𑖋 𑖌𑖍 𑖎𑖏 𑖐𑖑 𑖒𑖓 𑖔𑖕 𑖖𑖗 𑖘𑖙 𑖚𑖛 𑖜𑖝 𑖞𑖟 𑖠𑖡 𑖢𑖣 𑖤𑖥 𑖦𑖧 𑖨𑖩 𑖪𑖫 𑖬𑖭 𑖮𑖯 𑖰𑖱 𑖲𑖳 𑖴𑖵 𑖶𑖷 𑖸𑖹 𑖺𑖻 𑖼𑖽 𑖾𑖿 𑗀𑗁 𑗂𑗃 𑗄𑗅 𑗆𑗇 𑗈𑗉 𑗊𑗋 𑗌𑗍 𑗎𑗏 𑗐𑗑 𑗒𑗓 𑗔𑗕 𑗖𑗗 𑗘𑗙 𑗚𑗛 𑗜𑗝 𑗞𑗟 𑗠𑗡 𑗢𑗣 𑗤𑗥 𑗦𑗇

* OMĪ – SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK CITTA VAJRA
PRANĪANĀMĪ – VAJRA VANDANĀMĪ KARA UMI – OMĪ VAJRA
VĪHĪ.

Quy mệnh mười phương Chính Đẳng Giác

Diệu Pháp tối thắng, chúng Bồ Tát

Dùng Nghiệp thanh tịnh Thân Khẩu Ý

Ân cần chấp tay cung kính lễ.

Vô thủy luân hồi trong các Hữu (Mọi cõi)

Nghiệp Thân Khẩu Ý đã sinh tội

Như Phật Bồ Tát đã sám hối

Nay con trần sám cũng như vậy.

- Trong Hạnh Nguyên, Chư Phật Bồ Tát

Ba Nghiệp Kim Cương nơi sinh phước

Duyên Giác, Thanh Văn với Hữu Tình

Gom chứa căn lành, tùy hỷ hết

- Tất cả Thế Đăng ngồi Đạo Trường

Hé mở mắt Giác soi ba Hữu

Nay con quỳ gối ân cần thỉnh

Chuyển bánh xe Pháp Diệu Vô thượng.

- Bao nhiêu Như Lai, chủ Tam Giới

Bậc đến Vô Dư Bát Niết Bàn

Con đều khuyến thỉnh khiến trụ lâu.

Chẳng bỏ Bi nguyện cứu thế gian.

- Phước: Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyến Thỉnh.

Nguyện con chẳng mất Tâm Bồ Đề.

Chư Phật Bồ Tát trong Diệu Chúng

Thường làm bạn lành chẳng chán bỏ

Lìa nơi tám nạn, sinh không nạn

Túc Mệnh Trụ Trí Tướng nghiêm thân.

Mau lìa ngu mê đủ Bi Trí

Đều hay mãn túc Ba La Mật.

Giàu, vui, sung túc sinh Thắng Tộc

Quyến thuộc rộng nhiều thường thịnh vượng.

Bốn Vô Ngại Biện, mười Tự Tại

Sáu Thông, các Thiên đều viên mãn.

Như Kim Cương Tràng (Vajra Ketu) với Phổ Hiền

Nguyện tán hồi hướng cũng như vậy.

- Hành Giả nguyện rộng lớn

Tiếp nên phát Thắng Tâm

Nguyện tất cả Hữu Tình

Nơi Như Lai xưng tán

Thế Gian, Xuất Thế Gian

Mau thành Thắng Tất Địa.

Hợp chương Chân Ngôn là:

“Án – Tát phộc đát tha nga đá, thương tất đá – tát phộc tát đát _phộc nã, tát phộc tất đà dục, tam bá nễ _diễm đam, đát tha nga đá thát _tả đĩia đễ sắt _xá đam”

𑖀 𑖩𑖫 𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫 𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫 𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫 𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫 𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫 𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫
𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫 𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫 𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫

* OMĪ – SARVA TATHĀGATA SAMĪSITĀHĪ – SARVA SATVĀNĀMĪ
SARVA SIDDHAYAHĪ, SAMPADYATNĀ, TATHĀGATA (SCA
ADHITISĪTĪANĀ

Ma (𑖩𑖫 _ MA) Tra (𑖩𑖫 _ TĪ) ở hai mắt (phải, trái)

Nên quán là Nhật Nguyệt

Hai tay Kim Cương Quyền

Đều đặt ở cạnh eo

Nhìn khắp Phật trong Không.

Chư Phật đều vui vẻ.

Bao nhiêu nhóm hương, hoa

Với vật cùng dường khác.

Nhân mắt này nhìn ngắm

Trừ dơ thành thanh tịnh

Tịch Trừ thành Kết Giới.

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật_la niết_lị sắt_trí ma tra”

𑖀 𑖔 𑖑 𑖔 𑖑 𑖔 𑖑 𑖔 𑖑 𑖔

* OMĪ VAJRA DRĪSĪTĪ MATĪ

Phước Trí chấp hai vũ (chấp hai tay lại)

Mười độ (mười ngón tay) giao phân đầu.

Gọi là Kim Cương Chương (Vajra Jàli)

Đầu của tất cả Ấn.

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật_la nhạ thể”

𑖀 𑖔 𑖑 𑖔 𑖑 𑖔 𑖑 𑖔 𑖑 𑖔

* OMĪ – VAJRA JÀLI

Tức Kim Cương Chương ấy

Mười Độ (10 ngón tay) kết làm Quyền

Gọi là Kim Cương Phộc (Vajra Bandha)

Hay giải kết, khiến buộc.

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật_la mãn đà”

𨮒 向介向神

* OMĪ – VAJRA BANDHA.

Liên dùng Kim Cương Phộc

Hay Tịnh Thức Thứ Tám (Alàya vijnōana)

Cũng trừ giống (chủng) tạp nhiễm.

Hai chữ Đát_La (泣_ TRÀ) Tra (誑 _ TỈ)

Tưởng đặt ở hai vú

Hai Vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Kéo mở như trục cửa

Chân Ngôn là:” Aùn_ Phộc nhật-la, mãn đà, đát-la tra”

𨮒 向忝向神 泣誑

* OMĪ _ VAJRA BANDHA TRÀTỈ

Liên dùng Kim Cương Phộc

Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào chuông.

Khoảng Đàn Tuệ (2 ngón út) Giới Phương (2 ngón vô danh)

Tưởng Triệu Trí Vô Lộ.

Nhập vào trong Tầng Thức.

Chân Ngôn là: “Án – phộc nhật_la phê xả, ác”

轉向忝 狛甩在 珩

* OMĪ – VAJRA AVI(SA AHĪ

Liên dùng Ấn Tượng trước

Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn Thiên Trí (2 ngón cái)

Đem phụ nơi Tâm Môn (cửa trái tim)

Trí Vô Lậu kiên cố

Chân Ngôn là: “Ấn – phộc nhật_la mẫu sắt_trí, noan”

轉向忝 齧油 圳

* OMĪ – VAJRA MUSĪTĪ VAMĪ

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc.

Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) cứng như kim.

Vừa tụng Chân Ngôn xong.

Tự thân thành Phổ Hiền

Ngồi ở trên vành trăng

Thân; trước quán Phổ Hiền

Chân Ngôn là: “Ấn – tam ma gia, tát_dát_noan”

轉屹互伏 焦

* OMĪ – SAMAYA STVAMĪ

Hành Giả tiếp nên kết

Đại Thệ Chân Thật Khế

Hai vũ Kim Cương Phộc

Thắng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái)

Nhẫn Nguyễn (2 ngón giữa) giao trong chương

Khiến mặt ngón hợp nhau.

Đem hai độ (2 ngón tay) khắc tim.

Gọi là Đại Bi Tiễn (Mũi tên Đại Bi)

Dùng bản Tâm chán lia (yếm ly)

Tam Muội Gia Cực Hỷ

Cảnh giác Bản Thệ Nguyễn.

Chân Ngôn là: “Án – Tam ma gia, hộc – Tô đất la tát _đất_ noan”

軋 屹 互 伏 趙 鉏 先 凹 焦

* OMĪ – SAMAYA HOHĪ SURATA STVAMĪ

Hành Giả tiếp nên kết

Giáng Tam Thệ Đại Ân

Hai vũ(2 bàn tay) Phần Nộ Quyền

Đàn Tuệ (2 ngón út) móc kết lương.

Tiến Lực (2 ngón trỏ) cứng hai lưng.

Thân tướng Phần Nộ Vương (Krodha Ràja)

Tám tay với bốn mặt

Chân Ngôn là:”ÁN – Phộc nhật la, bát nột ma, tam ma dã, tát đát noan”

𨮒 向忝扔痧 屹互伏 翦

*OMĪ – VAJRA PADMA SAMAYA STVAMĪ

Trong Thức A Lại Gia

Phản ngược chủng Bồ Đề

Tiếp kết Pháp Luân Ấn

Tội phá Luân Yểm Ly

Tức Liên Hoa Ấn trước

Đàn Tuệ(hai ngón út) giao thẳng cứng

Kéo đẩy ở tim mình

Liên diệt Chủng Nhị Thừa

Chân Ngôn là: “Hồng – Tra chỉ sa phỏ tra dã, ma hạ vĩ la nga, phộc nhật lam, phộc nhật la đà la, tát đê duệ nẵng thá”.

嫪 巴趯 厖巴伏 互扣 合全丫 向怪 向忝四先 屹抖 巧比

*HŪMĪ TĪAKKI SPHOTĪAYA – MAHÀ VIRÀGA VAJRAMĪ
VAJRADHÀRA SATYE NATĪHAHĪ.

Tiếp kết Đại Dục Ấn

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Thiền (ngón cái phải) vào hồ khẩu Trí (ngón cái trái)

Chân Ngôn là:” ÁN – Tô la đá, phộc nhật lam, nhược, hồng, noan, hóc – tát ma gia tát đát noan”

𨮒 鉏先凹 向怪 怕 嬭 圳 旭 屹 互 伏 翥

*OMĪ – SURATA VAJRAMĪ – JAHĪ HŪMĪ VAMĪ HOHĪ – SAMAYA
STVAMĪ.

Đại Lạc Bất Không Thân

Ấn khế giống như trên

Nguyện khắp các Hữu Tình

Mau chứng Như Lai Địa (Tathàgata Bhùmi)

Người Tu hành Du Già

Tự thành Trí Đại Nhiệm

Mãn Đại Dục Bồ Đề

Viên thành chủng Đại Bi

Chân Ngôn là: “ÁN – Ma hạ tổ khư, phộc nhật lam sa đà dã – Tát phộc tát
đát phệ tỷ dữu – Nhược, hồng, noan, Hôc”

𨮒 互扣 鉏几 向怪 州叻伏 屹楠 屹珞言 切 嬭 嶧 赳

*OMĪ – MAHÀ SUKHA VAJRAMĪ SÀDHAYA – SARVA
SATVEBHĪ – JAHĪ HŪMĪ VAMĪ HOHĪ.

Tiếp kết Câu Triệu Ấn

Hai vũ(2 tay) Kim Cương Phộc

Duỗi Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) như Kim

Co Tiên Lực (hai ngón trỏ) như câu (móc câu)

Khởi Tâm Đại Bi Mãn

Đến, đi mà quán tưởng

Triệu các tội Hữu Tình

Ba nẻo ác thân mình

Triệu mọi tội vào chuông (lòng bàn tay)

Màu đen như sương mù

Đa số là hình Quỷ

Chân Ngôn là: “ÁN – Tát phộc bá ba, ca lật sái noa vĩ thú đà nãng, phộc
nhật la tát đất phộc, tam ma dã, Hồng nhược”

𣪗 屹楠 扒扔一溶仕 合夸叻巧 向忝屹兹 屹互伏 嫿切

*OMĪ - SARVA PĀPA AKARŚĪANĪA VI‘SODHANA VAJRASATVA
SAMAYA – HŪMĪ JAHĪ

Tiếp kết Tội Tội Ân

Tám Độ (tám ngón tay) cùng cài trong

Nhấn Nguyện (hai ngón giữa) dựng như trước

Nên quán Chày Độc Cổ

Cần quán thân tướng mình

Biến thành Giáng Tam Thế (Trailokya Vijaya)

Gần tiếng tụng Chân Ngôn

Nội tâm khởi Từ Bi

Nhấn Nguyện(hai ngón giữa) vỗ ba lần

Phá các tội Hữu Tình

Đều tịnh trừ ba ác

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la bá ni, vĩ sa phỏ tra dĩa- Tát phộc bá dĩa
mãn đà năng ninh – Bát la mỗ ngật sái dĩa- tát phộc bá ba nga đễ tỳ dục –
Tát phộc tát đát phộc – Tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật la tam ma dĩa,
hồng đát la tra”.

𠵹 向忝扒仗 合厘巴伏 屹漈 扒扔 向盍左市 盲伏朴伏 屹楠 扒伏 丫包言
屹楠 屹班 屹漈 凹卡丫凹 向忝 屹互伏 嫗 氛誑

· OMĪ - VAJRAPĀNĪ VISPHOTĪYA SARVA PĀPA BANDHANĀNI
PRAMOKSĪYĀ SARVA PĀYAGATEBHYAHĪ SARVA SATVA –
SARVA TATHĀGATA VAJRA SAMAYA HŪMĪ TRATĪ.

Tiếp nên tĩnh nghiệp chương

Khiên diệt nghiệp quyết định

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Chương

Tiến Lực (hai ngón trỏ) co lỏng hai

Thiền Trí (hai ngón cái) đờ hai độ (hai ngón trỏ)

Kết Nghiệp Chương Trừ này

Chân Ngôn là: “ ÁN – Phộc nhật la yết la ma, vĩ thú đà dĩa – Tát phộc phộc
la noa ninh, một đà tát đễ duệ năng, tam ma dĩa, Hồng”

𠵹 向忝一猊 合夸盍伏 屹楠 桃向先仕市 后益 屹芒巧 屹互伏 嫗

*OMĪ – VAJRA KARMA VI‘SUDDHĀYA SARVA AVARANĪANI _
BUDDHA SATYENA SAMAYA HŪMĪ.

Tiếp thành Tâm Bồ Đề

Khiên ta người viên mãn

Liên như Liên Hoa Khế

Dụng Đàn Tuệ (hai ngón út) Thiên Trí (hai ngón cái)

Đặt bên trái đỉnh đầu

Chân Ngôn là: “ÁN – Tán nại lô đa lê, tam mãn đá bà nại la chi la ni, ma hạ phộc nhật lệ ni, hồng”

𠄎 弋 趨 柰 刑 屹 互 寒 矛 治 丁 先 仗 互 扣 向 忝 仗 嫿

*OMĪ – CANDRA UTTARE SAMANTABHADRA KIRANĪ – MAHĀ VAJRINĪ HŪMĪ.

Vận tâm các Hữu Tinh

Trên trắng, uy Như Lai

Mau thành như Phổ Hiền

Kinh Du Già đã nói

Nên kết Già Phu Tọa

Chẳng lay động chi tiết

Nên kết Ấn Đăng Trì

Hai vũ(2 tay) Kim Cương Phộc

Ngựa đặt ở dưới rón

Thẳng thân đừng lay động

Lưỡi trụ trên nóc họng

Ngung thờ khiến vi tế (nhỏ nhiệm)

Đế quán (chân thành quán) các Pháp Tính

Đều do ở tâm mình

Phiền Nã, Tùy Phiền Nã

Nhóm: Uẩn, Giới, các Xứ

Đều như huyễn, dương diệm (ảo ảnh do bóng nắng)

Như thành Càn Đạt Bà

Cũng như vòng lửa xoay

Như tiếng dội trong hang

Như vậy Đế Quán xong

Chẳng thấy ở thân tâm

Trụ tịch diệt bình đẳng

Cứu cánh chân thật Trí

Liên quán trong Hư Không

Chư Phật như hạt mè

Tràn đầy Hư Không Giới

Tướng thân chứng Thập Địa

Trụ ở bờ như Chân (như Chân Tế)

Các Như Lai trong Không

Búng tay rồi cảnh giác

Nói rằng: Thiện Nam Tử!

Nơi sở chương của người

Là Nhất Đạo thanh tịnh

Chẳng thấy tướng tâm mình

Lại tưởng lễ chân Phật

Bạch rằng: Tôi thắng Tôn

Con chẳng thấy tâm mình

Tâm này tướng thế nào?

Chư Phật đều bảo rằng

Tướng tâm khó đo lường

Trao cho Tâm Chân Ngôn

Liên tụng: Triệt Tâm Minh (bài chú làm cho tâm sáng suốt thông đạt)

Quán Tâm như vành trăng

Như ở trong sương mù

Đề quán sát Như Lý

Chân Ngôn là: “ÁN – Tức đá bát la để vị đạm ca lỗ nhĩ”

𨮒才柰盲凸吒尼一勿亦

OMĪ – CITTA PRATIVEDHAMĪ KARA UMI

Tạng Thức vốn chẳng nhiễm

Thanh tịnh không hoen ố

Lâu ngày gom Phước Trí

Ví như vành trăng trong

Không thể cũng không việc

Liên nói chẳng là Trăng

Do đủ Phước Trí nên

Tâm mình như trăng đầy

Tâm mừng rỡ vui vẻ

Lại bạch: Các Thế Tôn!

Con đã thấy tâm mình

Thanh tịnh như trăng đầy

Lìa các phiền não cấu (bụi nhơ phiền não)

Nhóm Năng Chấp, Sở Chấp

Chư Phật đều bảo rằng:

Tâm người vốn như vậy

Vì khách trần che lấp

Tâm Bồ Đề là Tịnh

Người quán vành Trăng trong

Được chứng tâm Bồ Đề

Truyền Tâm Chân Ngôn này

Mật tụng mà quán sát

Chân Ngôn là: “ÁN – Mạo địa tức đá một đất ba na dã nhĩ”

轉回囚才柰齧痾叻 仲亦

OMĪ – BODHICITTAM UTPÀDA YÀMI

Hay khiến vành trăng tim

Tròn đầy hiển sáng rực

Chư Phật lại bảo rằng:

Tâm Bồ Đề bền chắc

Lại trao Tâm Chân Ngôn

Quán hoa sen Kim Cương

Chân Ngôn là: “ÁN – Tóc khất xoa ma, phộc nhật la”

𑖀 𑖄𑖅 𑖄𑖆

OMĪ – SUKSĪMA VAJRA

Quán Ngũ Cỏ kim Cương

Chân Ngôn là: “ÁN – Đê sắt xá, phộc nhật la”

𑖀 𑖄𑖇 𑖄𑖆

OMĪ – TISĪTĪA VAJRA

Người ở vành trăng trong

Quán Ngũ Trí Kim Cương

Khiến vòng khắp Pháp Giới

Chỉ một Đại Kim Cương

Tiệm Quảng (lớn dân) Chân Ngôn là:

“ÁN – Sa phả la, phộc nhật la”

轉 剎先 向忝

OMĪ – SPHARA VAJRA

Liễn Lược (thu nhỏ) Chân Ngôn là:

“ÁN – Tăng hạ la, phộc nhật la”

轉 戌成先 向忝

OMĪ – SAMĪHARA VAJRA

Cần phải biết thân mình

Tức là Kim Cương Giới

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la đát ma cú hàm”

轉 向忝 狛撻人曳

OMĪ – VAJRA ATMAKA UHAMĪ

Thân mình là Kim cương

Bền chắc không nhiễm hoại

Lại bạch chư Phật rằng

Con là thân Kim Cương

Thời các Như Lai ấy

Liền sắc (ban dạy) hành giả rằng:

Quán thân là hình Phật

Lại trao Chân Ngôn này

“ÁN – Dã tha, tát phộc đát tha nga đá, tát đát tha Hám”

𨮒 伏卉 屹楠 凹卡 丫凹 紆卡 曳

OMĪ – YATHA SARVA TATHĀGATA STATHĀ HAMĪ

Đã thấy thân thành Phật

Đều đầy đủ tướng tốt

Các Như Lai gia trì

Hiện chứng Trí Thật Tướng

Chẳng sửa tướng Ấn trước

Nên tụng Chân Ngôn này

“ẤN – Tát phộc đát tha nga đá, vị tam mạo địa niết lệ trà, phộc nhật la đề sất tra”

𨮒 屹楠 凹卡 丫出 赭戎 回囚 昧丙 向忝 凸沔

OMĪ – SARVA TATHĀGATA ABHISAMĪBODHI DRĪDĪHA VAJRA
TISĪTĪA.

Tiếp kết bốn Như Lai

Tam Muội Gia Ấn Khế

Đều dùng Bản Chân Ngôn

Mà dùng gia trì thân

Bất Động Phật ở tim

Bảo Sinh Tôn ở trán

Vô Lượng Thọ ở họng

Bất Không Thành Tựu, đỉnh

Chân Ngôn là:

1. ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc địa sắt xá, sa phộc hàm, Hồng

𨮒 向忝屹班囚泐 送𨮒振嫿

OMĪ – VAJRASATVA ADHISĪTĪA SVÀMAMĪ HÙMĪ

2. ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc địa sắt xá, sa phộc hàm, đát lạc.

𨮒 向忝屹班囚泐 送𨮒A2猓

OMĪ – VAJRASATVA ADHISĪTĪA SVÀMAMĪ TRÀHĪ

3. ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc địa sắt xá, sa phộc hàm, ngật lị dĩ.

𨮒 向忝屹班囚泐 送𨮒振猓

OMĪ – VAJRASATVA ADHISĪTĪA SVÀMAMĪ HRĪHĪ Ī

4. ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc địa sắt xá, sa phộc hàm, Aùc

𨮒 向忝屹班囚泐 送𨮒振珩

OMĪ – VAJRASATVA ADHISĪTĪA SVÀMAMĪ AHĪ

Đã gia trì thân xong

Tiếp nên nhận Quán Đỉnh

Năm Như Lai Ấn Khế

Đều như Tam Muội Gia

Chiếu khắp rưới đỉnh đầu

Bất Động Phật ở trán

Bảo Sinh bên phải đỉnh

Vô Lượng Thọ sau đỉnh

Bất Không Thành Tựu Phật

Nên ở bên trái đỉnh

Chân Ngôn là:

1. ÁN – Tát phộc đát tha nga đỏi, thấp phộc lị dã tị sái kế- Noan

𑖀 屹楠凹卡丫包鄔搜石守一圳

OMĪ – SARVA TATHĀGATE‘SVARYA ABHISĪAIKA VAMĪ

2. ÁN –Phộc nhật la tát đát phộc tị sất tả hàm – Hồng

𑖀 向忝屹班石趨弋 𑖀 嫗

OMĪ – VAJRASATVA ABHISIĪMĪCA MĀMĪ- HŪMĪ

3. ÁN – Phộc nhật la la đát nãng tị sất tả hàm – Đát Lạc

𑖀 向忝先富石趨弋 𑖀 獠

OMĪ – VAJRARATNA ABHISIĪMĪCA MĀMĪ- TRĀHĪ

4. ÁN – Phộc nhật la bát nột ma tị sất tả hàm -Ngột Lị Dĩ

𑖀 向忝扔瘼石趨弋 𑖀 獠

OMĪ – VAJRAPADMA ABHISIĪMĪCA MĀMĪ- HRĪHĪ

5. ÁN – Phộc nhật la yết la ma tị sất tả hàm- Aùc

𑖀 向忝一愍 𑖀 桃石趨弋 𑖀 瑯

OMĪ – VAJRAKARMA ABHISIĪMĪCA MĀMĪ- AHĪ

Sau khi Quán Đỉnh xong

Nên kết Như Lai Man

Các Như Lai bốn phương

Đều Tam Muội Gia Khế

Trước trán, hai vũ (hai tay) chia

Ba lần kết sau đỉnh

Hướng trước như rũi đai

Trước bụng từ Đan Tuệ (hai ngón út)

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la đà đát vị, ma la tị sần tả hàm, Noan”

轉 向 忝 四 珞 交 匠 石 趨 弋 施 圳

OMĪ – VAJRADHĀTVE MĀLA ABHISIĪMĪCA MĀMĪ – VAMĪ

Tiếp đối với Hữu Tình

Nên hưng Tâm Đại Bi

Trong sanh tử vô tận

Luôn mặc giáp Đại Thệ

Vì tịnh quốc thổ Phật

Giáng phục các Thiên Ma

Thành Tối Chính Giác, nên

Mặc giáp Trụ Như Lai

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyển

Ngay tim duỗi Tiến Lực (hai ngón trở)

Hai Độ (hai ngón tay) cùng ràng cột (xoay vòng như cột thẳng)

Tim, lưng, rồi hai gối

Rón, eo đến hai vai

Họng, cổ, trán, đỉnh đầu

Mỗi mỗi đều chuyển buộc

Từ từ rũ xuống dưới

Trước buông từ Đàn Tuệ (hai ngón út)

Liên hay Hộ tất cả

Thiên Ma chẳng dám hại

Chân Ngôn là: “ÁN – Châm”

駭 翹

OMĭ – TĭUMĭ

Tiếp đến Kim Cương Phách

Ngang chuông vỗ ba lần

Do uy lực Án này

Buộc giải, giải các buộc

Liên thành giáp bền chắc

Thánh Chúng đều vui vẽ

Đắc được Thủ Kim Cương

Như Kim Cương Tát Đỏa

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la đồ sử dã, hộc”

轉 向 忝 加 併 趙

OMĪ – VAJRA TUSĪYA HOHĪ

Tiếp kết Hiện Trí Thân

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Thiền Trí (hai ngón cái) vào trong chuông

Trước thân, tưởng vành trăng

Ở trong quán Bản Tôn

Đế Quán nơi tướng tốt

Biến Nhập (vào khắp) Kim Cương xong

Đại Án như Nghi Tắc

Trước thân cần phải kết

Suy tư Đại Tát Đỏa

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc, ác”

轉 向 忝 屹 茲 珙

OMĪ – VAJRASATVA AHĪ

Tiếp kết Kiến Trí Thân

Án Khê như tướng trước

Thầy Trí Tát Đỏa (Jñõàanasatva) ấy

Nên quán ở thân mình

Câu triệu dẫn vào buộc

Khiến vui làm thành tự

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la tát đát phộc niết lệ xả dã”

𨮒 向忝屹兹 𨮒京

OMĪ – VAJRASATVA DRĪ‘SYA

Tiếp kết bốn Minh Ấn

Triệu dẫn vào thân mình

Ấn như Giáng Tam Thế

Co đầu tiên (ngón trở phải) như câu (móc câu)

Tiếp Tiến Lực (hai ngón trở) giao nhau

Vẫn co chụm đầu nhau

Tiếp cùng nhau móc kết

Rời hợp cổ tay, rung

Do bốn Ấn Minh này

Triệu, Dẫn, Buộc (phộc) khiến vui (hỷ)

Chân Ngôn là: “Nhược, Hồng, Noan, Hốc”

切 嫗 圳 赳

JAHĪ HŪMĪ VAMĪ HOHĪ

Tiếp bày Tam Ma Gia

Nên kết Kim Cương Phộc

Dụng Nhẫn Nguyệt (hai ngón giữa) như Kim

Thành Du Già Bản Tôn

Tụng “Tam Ma Gia, tát đát noan”

屹互伏 翥

SAMAYA STVAMĪ

Vào khắp sau lưng rồi vành trăng

Ở trong nên quán Thế Kim Cương

Ta: Tam Muội Gia, tát đát noan (samaya stvami)

Chân Ngôn là: “ÁN – Tam ma đữu hàm – ma hạ tam ma đữu hàm”

𨮒 屹互伋曳 互扣屹互伋曳

OMĪ – SAMAYA UHAMĪ, MAHÀ SAMAYA UHAMĪ

Tiếp Thành Tụ Pháp Giới

Phụng sự các Như Lai

Thế Gian: Khí, Hữu Tình (hai loại Thế Gian)

Tĩnh diệu làm cõi Phật

Thắng Thượng Trí quán sát

Trong ngoài không sở hữu

Ba đời đồng Hư Không

Quán niệm Khiêm Tụ Môn (丈 _KHAMĪ)

Tiếp phát Trí Phong Luân

Chữ Hám (叟 _HAMĪ) tương ứng khởi

Nên quán Luân Vi Sơn

Chữ Kiếm (入 _KAMĪ) báu nghiêm sức

Lại ở Hư Không quán

Chữ Noan (圳 _VAMĪ) Đại Bi tuôn nước sữa thành biển sữa thơm lớn

Trong biển quán chữ Bát-La (盲 _PRA)

Tụ Môn thành rùa vàng

Thân đó thật rộng lớn

Vô lượng Dụ Nhạ Năng

Lưng quán chữ Ngộ-Lị (獺 _HRĪHĪ)

Biến thành hoa sen diệu

Tám cánh có ba tầng

Màu đỏ đủ râu nhụy

Thấy đều có hào quang

Trong Đàn quán chữ Tô (鉏 _SU)

Lộ Diệu Cao Sơn Vương (Sumeru – Núi Tu Di)

Do bốn báu tạo thành

Bốn tầng với bốn ngọn

Bảy núi vàng vây quanh

Sườn núi lại có biển

Chứa nước tám Công Đức

Bạc Du Già Quán Niệm

Mỗi mỗi đều rõ ràng

“Khiêm, Hám, Kiêm, Noan, Bát la, ngọt lị dĩ, Tô”

丈 曳 入 圳 盲 獠 鉏

KHAMĪ, HAMĪ, KAMĪ, VAMĪ, PRA, HRĪHĪ, SU.

Thành Tựu Hải Chân Ngôn:

“ÁN – Vĩ ma lộ ná địa Hồng”

𨮒 合 互 同 叨 囚 嫗

OMĪ – VIMALA UDHADI HÙMĪ

Thành Tựu Sơn Chân Ngôn

“ÁN – A tả la, Hồng”

𨮒 挑 弋 匡 嫗

OMĪ – ACALA HÙMĪ

Ở đỉnh núi Diệu Cao

Quán cung Phật Pháp Giới

Do năm Trí tạo thành

Năm ngọn lầu gác báu

Tĩnh diệu khởi các Giới

Mỗi mỗi rất trang nghiêm

Liên kết Kim Cương Luân

Mật Ấn của Luân Đàn

Do uy lực Ấn này

Liên thành các Luân Đàn

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền

Tiến Lực, (hai ngón trỏ) Đàn Tuệ (hai ngón út) móc

Ở trong hiện quán tướng

Luân Đàn như Bản Giáo

Liên ở trong gác báu

Mà quán Man Noa La

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la tác yết la Hồng”

轉 向 忝 弋 咒 孃

OMĪ – VAJRACAKRA – HŪMĪ

Tiếp nên tụng Khải Thỉnh

Chẳng sửa tướng Ấn trước

Tướng bạch các Thánh Chúng

Xuống Man Noa La này

Khải Thịnh Chân Ngôn là:

“ Dã tiên diễm ninh vĩ cận năng sa tác yết la tát đệ tả, đá mẫu tị phộc lê, phộc nhật la câu noa lê, Hệ đồ, tỳ diễm đá tỳ diễm ma, sa đồ tát ná năng mạc”

伏越 市極袋 屹弋咒 帆盎具 凹觜旨 向同 向忝乃沆印 旨加
桃越出角互蹊 屹呀 巧休

*YABHYÀMĪ NIRVIGHNA SACAKRA SIDDHISYÀ TAMUHE BALE,
VAJRA KUNĪDĪALI HETU ABHYÀMĪTA ABHYÀMĪMASTU SADÀ
NAMAHI.

Tiếp kết Khai Môn Ân

Tướng mở cửa Đại Đàn

Hai vũ(2 tay) Kim Cương Quyền

Đàn Tuệ (hai ngón út) cùng móc nhau

Dụng Tiến Lực (hai ngón trỏ) hợp cạnh

Mỗi cửa tụng Chân Ngôn

Úng Hồng (HÙMĪ) mà kéo mở

Từ Đông rồi chuyển phải

Mỗi phương, mặt hướng cửa

Nếu phương sở nhỏ hẹp

Liên tướng trong quán tướng

Vận tâm như Bản Giáo

Chân ngôn là: “ÁN – phộc nhật la ná phộc lỗ, ỏn ná già tra dã, tam ma dã, bát la phệ xã dã, Hồng”

𠵿 向忝四勿叨千巴伏 屹互伏 盲吒在伏 嫿

OMĪ – VAJRADHĀRA UDAGHATĪAYA SAMAYA PRAVE‘SAYA
HŪMĪ

Tiếp kết Khải Thỉnh Ân

Khải bạch các Thế Tôn

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Nhãn Nguyên (hai ngón giữa) nên dựng hợp

Co Tiên Lực (hai ngón trỏ) như móc

Giữa, sau mà chẳng dính

Xung tên rồi Khải Thỉnh

Ba lần xướng Già Đà

“A diễn đỗ, tát phệ bộ phộc, nãi ca sa lạc, bát la noa nhĩ đá thể sa ca, thủ la ma lạc tát khát xoa sa ngật lị đát năng đá bà phộc, sa phộc bà phộc sa phộc diễn bộ mao năng đá bà phộc, sa phộc bà phộc”

𠵿跄加 屹楠 矛向包一州匈 盲撻亦賚 在好一卡先 交跄 州朽 邗出巧阢
矛向 辱矢向 送兇禾名巧阢 矛向 辱矛跄

*AYAMTU SARVA BHAVATEKASÀRAHĪ, PRANĪÀMITÀHĪ
‘SESĪAKATHORA MÀRÀHĪ SAKSĪA KRĪTA, ANANTA BHAVA
SVABHÀVA SVÀYAMĪBHUVA, ANANTA BHAVA SVABHÀVAHĪ.

Tiếp quán Phật Hải Hội

Chư Thánh vân tập khắp

Giao cánh tay, búng tay

Tiếng vang tràn Pháp Giới

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la tam ma nhạ, nhược”

𑖀 向忝屹互介切

*OMĪ – VAJRA SAMAJA_ JAHĪ (Samaja: vân tập)

Các Như Lai tập hội

Đều ở tại Hư Không

Tụng Bách Bát Danh Tán (bài tán 108 tên)

Lễ Man Noa La Chúng

Tán Thán Chân Ngôn là:

1. Phộc nhật la tát đát phộc, ma hạ tát đát phộc, phộc nhật la, tát phộc đát tha nga đá, tam ma dã bà nại la phộc nhật la nễ dã, phộc nhật la bá ni, năng mô sa đồ đế.

向忝屹兹 互扣屹兹 向忝屹楠凹卡丫凹 屹互阢矛治 向忝滄 向忝扒仕
巧伏蹠包

*VAJRASATVA MAHÀSATVA VAJRA, SARVA TATHÀGATA,
SAMANTABHADRA, VAJRADYA, VAJRAPÀÑĪ- NAMO STUTE.

2. Phộc nhật la la nhạ, tổ một đà nga lị dã, phộc nhật la câu xã-tát tha nga đá,
A mô khư la nhạ, phộc nhật la nễ dã, phộc nhật la ca la sa – na mô sa đồ đế.

向忝全介 鉏后盍跣 向轉乃在 凹卡丫凹 豸伏千全介 向忝滄 向忝豸一溶
巧伏蹠包

*VAJRARÀJA SUBUDDHA AGRYA- VAJRA AMĪKU‘SA,
TATHÀGATA, AMOGHARÀJA, VAJRADYA, VAJRA AKARSĪA,
NAMO STUTE.

3. Phộc nhật la la nga, ma hạ táo xí dĩa – phộc nhật la phộc la noa, thương ca
la ma, ma hạ phộc nhật la tả bá - Năng mô sa đồ đế.

向忝全丫 互扣忝米 向忝向隊 妍一先 交先 乙互 互扣 向忝弓扔
巧伏蹊包

*VAJRARÀGA, MAHÀ SAUKHYA – VAJRA VARNĪA ‘SAMĪKARA,
MÀRA KÀMA – MAHÀ VAJRACÀPA – NAMO STUTE.

4. Phộc nhật la sa độ, tô phộc nhật la nga lị dĩa – phộc nhật la đồ sắt tai, ma
hạ la đế, bát la mô hạ la sa – Năng mô sa đồ đế.

向忝州鉞 鉞向忠趾 向忝 加炁 互扣 先包 盲伏滄全介 向忝滄 向忝扣好
巧伏蹊包

*VAJRASÀDHU, SUVAJRA AGRYA – MAHÀ TUSĪTĪAI, MAHÀ
RATE, PRAMODYARÀJA, VAJRADYA, VAJRA HÀSĪA- NAMO
STUTE.

5. Phộc nhật la la đát năng, tô phộc nhật la la tha, phộc nhật la ca xả, ma hạ
ma ni, ÁN ca xả nga bà, phộc nhật la trà dĩa, phộc nhật la nga bà – Năng mô
sa đồ đế.

向忝先寒 鉞向忠飲 向忝 紗一在 互扣互仗 紗一在丫想 向忝銀 向忝丫想
巧伏蹊包

*VAJRARATNA, SUVAJRA ARTHA, VAJRA ÀKA‘SA, MAHÀ MANĪI,
ÀKA‘SA GARBHA, VAJRAHYA, VAJRA GARBHA, NAMO STUTE.

6. Phộc nhật la đế nhạ, ma hạ nhập phộc la, phộc nhật la tô lị dĩa, nhĩ năng bát
la bà, phộc nhật la la thấp nhĩ, ma hạ đế nhạ, phộc nhật la bát la bà năng mô
sa đồ đế.

向忝包介 互扣詞匡 向忝債搏 元巧盲矛 向忝先眸 互扣包介 向忝盲矛
巧伏蹊包

*VAJRATEJA, MAHÀ JVALA, VAJRA SÙRYA, JINAPRABHA, VAJRARA'SMI, MAHÀ TEJA, VAJRAPRABHA NAMO STUTE.

7. Phộc nhật la kê đõ, tô tát đát phộc la tha, phộc nhật la đặc phộc nhạ, tô đõ sái ca, la đát nẵg kê đõ, ma hạ phộc nhật la, phộc nhật la duệ sắ tai nẵg mô sa đõ đế.

向忝了加 鉏屹班飲 向忝墉介 鉏北好一 先寒了加 互扣向忝 向忠仰旻 巧伏蹊包

*VAJRAKETU, SUSATVA ARTHA, VAJRADHVAJA SUTOSĪAKA, RATNAKETU, MAHÀ VAJRA, VAJRA AYUSĪTĪAI- NAMO STUTE.

8. Phộc nhật la hạ sa, ma hạ hạ sa, phộc nhật la tát nhĩ đá, ma hạ nột bộ đá tát lị đẽ – Bát la mô nễ dẫ la nhạ, phộc nhật la nễ dẫ, phộc nhật la tát lị đẽ – Nẵg mô sa đõ đế.

向忝扣屹 互扣扣屹 向忝統凹 互扣踣凹 矜凸 盲伏滄全介 向忝滄 向忝矜包 巧伏蹊包

*VAJRAHÀSA, MAHÀ HÀSA, VAJRASMITA, MAHÀ DBHUTA, PRĪTI PRAMODYARÀJA, VAJRADYA VAJRAPRĪTE – NAMO STUTE.

9. Phộc nhật la Đạt la ma, tô tát đát phộc la tha phộc nhật la bát nại ma, tô thú đát ca, lộ kê thấp phộc la, tô phộc nhật la khát xoa, phộc nhật la ninh đát la- nẵg mô sa đõ đế.

向忝叻獲 鉏屹班飲 向忝扔痧 鉏在益一 吐了鄔先 鉏向忠朽 向忝弁泥 巧伏蹊包

*VAJRADHARMA, SUSATVA ARTHA, VAJRAPADMA SU'SUDDHAKA, LOKE'SVARA, SUVAJRÀKSĪA, VAJRANETRE NAMO STUTE.

10. Phộc nhật la đẽ khát xoa noa, ma hạ dẫ nẵg, phộc nhật la cú xả, ma ha dũu dẫ, mạn tô thắ lị phộc nhật la nghiê m tị lị dẫ, phộc nhật la một đệ nẵg mô sa đõ đế.

向忝刊跏 互扣仲巧 向忝乃在 互扣仰叻 伐内漈 向忝刃示搏 向忝后眨
巧伏蹊包

*VAJRATĪKSĪNĪA, MAHÀ YĀNA, VAJRA KU‘SA, MAHÀ YUDHA,
MAMĪJU‘SRĪ, VAJRA GAMĪBHĪRYA, VAJRA BUDDHE NAMO
STUTE.

11. Phộc nhật la hệ đồ, ma hạ mạn noa, phộc nhật la tả yết la, ma hạ năng dã,
tổ bát la vạt đất năng, phộc nhật lễ đất tha, phộc nhật la mạn noa, năng mô
sa đồ đế.

向忝旨加 互扣互汜匡 向忝弋咒 互扣左伏 鉏盲向痛巧 向怵凹卡
向忝互汜匡 巧伏蹊包

*VAJRAHETU, MAHÀ MANĪDĪĀLA, VAJRACAKRA, MAHÀ NĀYA,
SUPRAVARTTANA, VAJROTATHĀ, VAJRA MANĪDĪĀLA. NAMO
STUTE.

12. Phộc nhật la bà sái, tổ vĩ nề dã nga lệ dã, phộc nhật la nhạ bá, tổ tất đế na,
a phộc giả, phộc nhật la vĩ nề dã nga lệ dã, phộc nhật la bà sái – Năng mô sa
đồ đế.

向忝矢好 鉏合攻跏 向忝介扔 鉏帆盎叨 桃名弋 向忝合攻跏 向忝矢好
巧伏蹊包

*VAJRA BHĀSĪA, SUVIDYA AGRYA, VAJRA JAPA, SUSIDDHIDA
AVĀCA, VAJRA VIDYA AGRYA, VAJRA BHĀSĪA NAMO STUTE.

13. Phộc nhật la yết ma, tổ phộc nhật la nhạ noa yết ma phộc nhật la, tát
phộc nga la, phộc nhật la mô khư, ma hô na lệ dã, phộc nhật la vĩ thấp phộc
na mô sa đồ đế.

向忝一豸 鉏向忝跏 一豸向忝 鉏屹楞奇 向忝伏千 互旭叨搏 向忝合鄔
巧伏蹊包

*VAJRAKARMA, SUVAJRA JNŌA, KARMAVAJRA, SUSARVĀGRA,
VAJRA AMOGHA, MAHÀ UDARYA VAJRA VI ‘SVA NAMO STUTE.

14. Phộc nhật la la khát xoa, ma hạ phệ li dã, phộc nhật la phộc ma, ma hạ niết li trà, nột dục đà năng, tổ vĩ li dã nga li dã, phộc nhật la vĩ li dã – Năng mô sa đồ đế.

向忝先朽 互扣因暗 向忝向豸 互扣昧丙 搯搗叻巧 鉏吃湫跣 向忝吃搏
巧伏蹊包

*VAJRA RAKSĪA, MAHÀ VAIRYAHĪ, VAJRAVARMA, MAHÀ DRĪDĪHA, DUYODHANA, SUVĪRYA AGRYA, VAJRA VĪRYA NAMO STUTE.

15. Phộc nhật la dục khát xoa, ma hộ bá dã, phộc nhật la năng sát tra la, ma hạ bà dã, ma la bát-la ma lật nề, phộc nhật lỗ nga li dã, phộc nhật la tán noa – Na mô sa đồ đế.

向忝伏朽 互旭扒伏 向忝句豸 互扣矛伏 交先盲互催 向怔奇 向忝弋汜
巧伏蹊包

* VAJRA YAKSĪA, MAHÀ UPÀYA, VAJRADAMĪSĪTRĪA MAHÀ BHAYA, MÀRA PRAMARDI, VAJRA UGRA, VAJRA CANĪDĪA NAMO STUTE.

16. Phộc nhật la tán đệ, tổ tát ninh địa dã, phộc nhật la mẫn đà, bát la mô tả ca, phộc nhật la mẫu sát tra dã, nga la gia, tát ma diễm, phộc nhật la mẫu sát tai – năng mô sa đồ đế.

向忝戌囚 鉏屹弁杞 向忝向神 盲伏弋一 向忝觜泐仲跣 屹互兇 向忝觜炅
巧伏蹊包

*VAJRA SAMĪDHI, SUSANEDHYA, VAJRA BANDHA, PRAMOCAKA, VAJRA MUSĪTĪAYA AGRYA SAMAYAMĪ, VAJRA MUSĪTĪAI NAMO STUTE.

Tiếp kết bốn Minh Ân

Ân như Giáng Tam Thế

CÂU: co Tiên độ (ngón trở phải) triệu

SÁCH: Tiến lục (hai ngón trở) như vòng

TOẢ: mở cổ tay, móc

LINH: hợp cổ tay, rung

Đều tụng Bản Chân Ngôn

Chân Ngôn là:

1. Phộc nhật la củ xả, nhược

向轉乃在切

*VAJRA AMĪKU‘SA JAHĪ

2. Phộc nhật la bá xả, Hồng

向忝扒在獠

*VAJRA PÀ‘SA HÙMĪ

3. Phộc nhật la sa phổ tra, Noan

向忝厯巴圳

*VAJRA SPHOTĪA VAMĪ

4. Phộc nhật la phê xả, A

向忠甩在趙

*VAJRA AVI‘SA AHĪ

(Bản khác ghi là: 向忝吒在趙: Vajra ve’sa Hohi)

Tiếp là Kim Cương phách

Khiến Thánh Chúng vui vẽ

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la đá la đỗ sử dã Hộc”

𨮒 向忝出先加併 𨮒

OMĪ – VAJRA TÀRA TUSĪYA HOHĪ

Tiếp vào Bình Đẳng Trí

Dâng nước thơm Ú Già

Tưởng tẩm thân các Thánh

Sẽ được Địa Quán Đảnh

Chân Ngôn là: “ÁN – phộc nhật la ná ca thá, Hông”

𨮒 向怔叨一比 獨

*OMĪ – VAJRA UDAKATĪHAHĪ HŪMĪ

Tiếp kết Chấn Linh Ấn

Phải: chuông, trái: rung chuông

Tâm vào tiếng giải thoát

Quán chiếu Lý Bát Nhã

Chân Ngôn là: “ÁN – Phộc nhật la bá ni, Hông”

𨮒 向忝扒仗 獨

*OMĪ – VAJRA PĀNĪI HŪMĪ

ÁN – Phộc nhật la kiến tra đỗ sắt dã Hộc

𨮒 向忝孑巴加併 𨮒

*OMĪ – VAJRA GHAMĪTĪA TUSĪYA HOHĪ

QUYỀN THƯỢNG

(Hết)

---o0o---

Mật Tạng Bộ 1 _ No.874 (Tr.317 – Tr.322)

KIM CƯƠNG ĐỈNH NHẬT THIẾT NHƯ LAI

**CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG
KINH**

QUYỀN HẠ

**Hán dịch: Đồi Đường_ Đạc Tiên Thích Hồng Lô Khanh _ Tam Tạng Sa
Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch**

Việt Dịch: HUYỀN THANH

KIM CƯƠNG GIỚI ĐẠI MAN NOA LA

**TỶ LÔ GIÁ NA NHẤT THIẾT NHƯ LAI TRỤ BÍ MẬT TÂM ĐỊA ÁN
CHÂN NGÔN YẾT MA BỘ (Thứ Hai)**

Cúi lạy Bạc Già Phạm

Đại Tỷ Lô Giá Na

Hay vì Tụ Tại Vương

Diễn nói Kim Cương Giới

Yết Ma, các Nghi Tắc

Án Khế và Chân Ngôn

Cúng dường các Như Lai

Tiếp kết Yết Ma Ấn

Ở tim rồi tu tập

Đề quán vành trăng tim

Rời các chày Yết Ma

Nên kết Kim Cương Quyền

Đẳng Dẫn rồi chia hai

Hữu vũ (tay phải) Kim Cương Quyền

Dùng năm đầu ngón Lục (ngón trở trái)

Quyền trái đặt ở eo

Rũ tay phải chạm đất

Quyền trái, tương như trước

Hữu vũ, (tay phải) tác Thí Nguyện

Hai tay ngửa cài nhau

Thẳng Tiên Lục (hai ngón trở) chung lưng

Thiền Trí (hai ngón cái) ngang đầu ngón

Quyền trái lại ở eo

Hữu vũ, (tay phải) Thí Vô Úy

Là năm Như Lai Khế

Mỗi mỗi Chân Ngôn là:

1) Àùn_ Phộc Nhật La Đà Đồ, Noan

OMĪ _ VAJRADHÀTU VAMĪ

2) Àùn_ A khuát-sô tý-dã, Hồng

OMĪ _ AKSĪOBHYA HŪMĪ

3) Àùn_ La đát-nắng tam bà phộc, Đát-lạc

OMĪ_ RATNASAMĪBHAVA TRÀHĪ

4) Àùn _ Lộ kế thập-phộc la la nha, Ngật-li-dĩ

OMĪ_ LOKE'SVARA RÀJA HRĪHĪ

5) Àùn _ A mô khu tát đê, Àùc

OMĪ _ AMOGHASIDDHI ÀHĪ

Tiếp nên kết Yết Ma

Bốn Ba La Mật khế

Đều như Bản Phật Ấn

Rồi tụng niệm Chân Ngôn

Các Chân Ngôn ấy là:

1. ÁN – Tát đát phộc phộc nhật li, Hồng

· OMĪ – Satva Vajri – HùmĪ

2. ÁN – La đát nắng phộc nhật li, đát lạc

· OMĪ – Ratna Vajri – TrànhĪ

3. ÁN – Đạt la ma phộc nhật li, ngật li dĩ

· OMĪ – Dharma Vajri – Hrihī

4. ÁN – Yét la ma phộc nhật lệ, Ác

· OMĪ – Karma Vajri – Àhī

Tiếp kết mười sáu Tôn

Nghi của Yét Ma Khé

Quyền phải đặt cạnh eo

Hữu vũ, (tay phải) rút chày ném

Giao hai quyền ôm ngực

Co tiên lực (hai ngón trở) móc triệu

Hai quyền như Xạ Pháp (cách bắn tên)

Đặt ngang tim búng tay

Tiến lực (hai ngón trở) như bình báu

Ở tim chuyển Nhật Luân (mặt trời)

Chỏ phải trụ quyền trái

Hai miệng quyền ngựa bung

Trái: sen, phải, mở bóc

Tay trái tưởng cầm hoa

Tay phải tưởng cầm kiếm

Úp quyền dựng Tiến Lực (hai ngón trở)

Ở rón rôi chuyển ngang

Đưa tới miệng, ngửa bung

Trước duỗi từ Thiên Trí (hai ngón cái)

Xoay múa tim, hai má (hai gò má)

Kim Cương Chưởng ở Đỉnh

Hai Quyền khoác giáp trụ

Tiến Lực (hai ngón trỏ)Đàn tuệ (hai ngón út) Nanh

Hai quyền cùng hợp nhau

Mười sáu Đại Sĩ Ấn

Nội, Ngoại: Tám Cúng Dường

Kèm với Bốn Đại Hộ

Ấn Tướng, nay sẽ nói

Hai quyền đều cạnh eo

Hướng trái hơi cúi đầu

Hai quyền buộc Hoa Man (vòng hoa)

Từ trán, sau đỉnh: bung

Hai quyền cùng hợp cạnh

Từ rốn đến miệng bung

Hai quyền như nghi múa xoay chuyển chưởng ở đỉnh

Dùng nghi Kim Cương Chưởng

Bốn Ấn nhóm Thiên Hương

Dùng Giáng Tam Thế Ân

Bốn Nhiếp nhóm Câu, Sách

Kèm quyền hướng dưới bung

Ngũa bung như Phụng Hiến

Dụng Thiên Trí (hai ngón cái) như Kim

Mở chương xoa ở ngực

Co Tiên (ngón trỏ phải) như móc câu

Cong Tiên Lực (hai ngón trỏ) vịn nhau

Hai Độ (hai ngón tay) liền móc nhau

Hợp cổ tay, hơi rung

Các Chân Ngôn ấy là:

1. Ân – Phộc nhật la tát đát phộc, ác
 - OMĪ – Vajrasatva – Ahī
2. Ân – Phộc nhật la la nhạ, nhược
 - OMĪ – Vajra Ràja – Jahī
3. Ân – Phộc nhật la la nga, hộc
 - OMĪ – Vajra Ràga – Hohī
4. Ân – Phộc nhật la sa độ, sách
 - OMĪ – Vajra Sàdhu – Sahī
5. Ân – Phộc nhật-la la đát-nặng, Ân

- OMĪ – Vajra Ratna – OMĪ
6. ÁN – Phộc nhật la đế nhạ, ám
- OMĪ – Vajra Teja – ÀMĪ
7. ÁN – Phộc nhật la kế đỗ, đát lam
- OMĪ – Vajra Ketu – TRÀMĪ
8. ÁN – Phộc nhật la hạ sa, hách
- OMĪ – Vajra Hàsa- Hahi
9. ÁN – Phộc nhật la đạt ma, ngọt lị dĩ
- OMĪ – Vajra Dharma – Hrihi
10. ÁN – Phộc nhật la đễ khắt xoa noa, đạm
- OMĪ – Vajra Tiksīnīa – Dhamī
11. ÁN – Phộc nhật la hệ đỗ, hàm
- OMĪ – Vajra Hetu – Mami
12. ÁN – Phộc nhật la bà sá, lam Bhasīa – Ramīa
- OMĪ – Vajra Bhasīa – Ramī
13. ÁN – Phộc nhật la yết ma, Kiếm
- OMĪ – Vajra Karma- Kamī
14. ÁN – Phộc nhật la lạc khắt xoa, hàm
- OMĪ – Vajra Raksīa – Hamī
15. ÁN – Phộc nhật la Dược Khắt xoa, Hồng

· OMĪ – Vajra Yaksīa – Hūmī

16. ÁN – Phộc nhật la tán địa, noan

· OMĪ – Vajra Samīdhi – Vamī

(ND: Trên đây là 16 câu Chú của 16 vị Đại Sĩ)

1. ÁN – Phộc nhật la la té, Hộc

· OMĪ – Vajra Làse_ Hohī

2. ÁN – Phộc nhật la ma lợi, đát la tra

· OMĪ – Vajra Māle – Trati

3. ÁN – Phộc nhật la nghi đê, nghi

· OMĪ – Vajra Gīte – Gīhī

4. ÁN – Phộc nhật la Niết lị đê duê, ngọt lị tra

· OMĪ – Vajra Nrītye – Krīti

(ND: Trên đây là 4 Nội Cúng Đường)

1. ÁN – Phộc nhật la độ bé, A

· OMĪ – Vajra Dhūpe – Ahī

2. ÁN – Phộc nhật la bố sáp bé, ÁN

OMĪ – Vajra Pusīpe – OMĪ

3. ÁN – Phộc nhật la lộ kế, Nhược

· OMĪ – Vajra Aøloke – Dīhī

4. ÁN – Phộc nhật la nghiên đê – Ngược

· OMĪ – Vajra Gandhe - Gahī

(ND: Trên đây là 4 Ngoại Cúng Đường)

1. ÁN – Phộc nhật la củ xá, nhược

· OMĪ – Vajra Anōku’sa - Jahī

2. ÁN – Phộc nhật la bá xá, Hồng

OMĪ – Vajra Pà’sa – Hūmī

3. ÁN – Phộc nhật la sa phồ tra – noan

· OMĪ – Vajra Sphotia – Vami

4. ÁN – Phộc nhật la phệ xá - Hộc

· OMĪ – Vajra Ve’sa Hohī

(ND: Trên đây là 4 Nhiếp)

Phải: tim, trái: ấn đất

Quanh bốn mặt Luân Đàn

Đều một, đọc Chân Ngôn

An lập Hiền Kiếp vị (vị trí các tôn đời Hiền Kiếp)

Chân Ngôn là: “Hồng Hồng”

· Hūmī Humī

Ngoài Như Lai Hiền Kiếp

Mười sáu Đại Danh Xưng

Trước vẽ Di Lạc Tôn

Tiếp Minh Bất Không Kiên

Nhất Thiết Diệt Ác Thú

Ly Nhất Thiết Ưu Minh

Hương Tượng, Dũng Mãnh Tôn

Hư Không Tạng, Trí Tràng

Vô Lượng Quang, Nguyệt Quang

Hiền Hộ, Quang Vãng Tôn

Tiếp vẽ Kim Cương Tạng

Vô Tận Ý, Biện Tích

Phổ Hiền, Đại Quang Minh

Với Tôn Thượng Thủ khác

Thoạt đầu đặt chữ A

Hoặc vẽ mười sáu tên

Hạt giống Trí Kim Cương

Nghi Tắc của Thánh Thiên

Y giáo mà an lập

Trời: Địa Cư, Không Hành

Xảo Trí khéo an bày

Tướng Tất Địa các Tôn

Thứ tự cần phải rõ

Các Chân Ngôn ấy là:

1. ÁN – Muội đất li dã, sa phộc hạ
 - OMĪ – Maitriya Svàhà
2. ÁN – A Mục khur ná lật xả năng dã, sa phộc hạ
 - OMĪ – Amogha Dār’sanàya - Svàhà
3. ÁN – Tát phộc bá dã nhạ hám, sa phộc hạ
 - OMĪ – Sarva pàyajaham – Svàhà
4. ÁN – Tát phộc thú địa ca đa mê, nễ kiến đà mê, sa phộc hạ
 - OMĪ – Sarva ‘Sokatame Nirghatame – Svàhà
5. ÁN – Nghiễn đà hạ tất đễ, sa phộc hạ
 - OMĪ – Gandha Hàsti – Svàhà
6. ÁN – Thú la dã, sa phộc hạ
 - OMĪ – ‘Suraya - Svàhà
7. ÁN – A ca xả nga la bà, sa phộc hạ
 - OMĪ – Àka’sa Garbha - Svàhà
8. ÁN – Chỉ nhạ năng ké đố, sa phộc hạ
 - OMĪ – Jnõàna Ketu - Svàhà
9. ÁN – A nhĩ đá bát la bà, sa phộc hạ
 - OMĪ – Amita prabha - Svàhà
10. ÁN – Tán nại la phộc nhật la bát la bà, sa phộc hạ

- OMĪ – Candra Vajra prabha - Svàhà
- 11. ÁN – Bà nại la bá la, sa phộc hạ
- OMĪ – Bhadra pàla - Svàhà
- 12. ÁN – Nhập phộc la ninh, bát la bà, Hồng sa phộc hạ
- OMĪ – Jalinì prabha Hùmi _ Svàhà
- 13. ÁN – phộc nhật la nghiệt la bà, sa phộc hạ
- OMĪ - Vajra Garbha - Svàhà
- 14. ÁN – A khát xoa ma đễ, sa phộc hạ
- OMĪ – Aksia Màti -Svàhà
- 15. ÁN – Bát la đễ ha đá câu tra đã, sa phộc hạ
- OMĪ – Pratihata Kutàya _ Svàhà
- 16. ÁN – Tam mãn đá bà nại la đã, sa phộc hạ
- OMĪ – Samanta Bhadràya - Svàhà

---o0o---

KIM CƯỜNG GIỚI MAN NOA LA

**TỶ LÔ GIÁ NA NHẤT THIẾT NHƯ LAI TỘC BÍ MẬT TÂM ĐỊA ÁN
CHÂN NGÔN TAM MUỘI GIA BỘ (Thứ Ba)**

Bấy giờ Bạc Già Phạm

Đại Tỷ Lô Giá Na

Hay vì Tụ Tại Vương

Diễn nói Kim Cương Giới

Nghi Tác của Tam Muội

_ Tiếp kết Tam Muội gia

Ở lưỡi quán Kim Cương

_ Trước hợp Kim Cương Chưởng

Liên thành Kim Cương Phộc

Nhẫn Nguyệt (hai ngón giữa) như cây kiếm

Tiến Lực (hai ngón trỏ) phụ ở lưng

_ Dựng Nhẫn Nguyệt (hai ngón giữa) như Kim

_ Lại co như hình bấu

_ Co nhiều như cánh sen

Hợp mặt ngón trong chưởng

_ Hợp Đản Tuệ (hai ngón út) Thiên Trí (hai ngón cái)

Đây là năm Phật Ấn

Các Chân Ngôn ấy là:

1. Phộc nhật la nhạ noa năm – A

*Vajra Jnōanamī – Ahī

2. Phộc nhật la nhạ noa năm – Hồng

*Vajra Jnōanamī – Hūmī

3. Phộc nhật la nhạ noa nẵm – Đát lạp

*Vajra Jnõànamĩ – Tràhĩ

4. Phộc nhật la nhạ noa nẵm – Ngột lị dĩ

*Vajra Jnõànamĩ – Hrìhĩ

5. Phộc nhật la nhạ noa nẵm – Ác

*Vajra Jnõànamĩ – Àhĩ

_ Tiếp kết Tam Muội Gia

Bốn Ba La Mật Khế

Đều như Khế của Phật

Mỗi mỗi tụng Chân Ngôn

Các Chân Ngôn ấy là:

1. Phộc nhật la thất lị, Hồng

· Vajra ‘Sri – Hùmĩ

2. Phộc nhật la kiêu lị, đát lam

· Vajra gauri – Tràmĩ

3. Phộc nhật la đa la, ngột lị dĩ

· Vajra Tàrà – Hrìhĩ

4. Khứ, phộc nhật lị ni, Hộc

· Kha – Vajrinĩ – Hohĩ

_ Tiếp kết mười sáu Tôn

Tám Cúng Đường, bốn Nhiếp

Ấn Khế Tam Muội Gia

_ Nhấn Nguyện (hai ngón giữa) dựng như Kim

Mở út, cái rồi dựng

_ Tiếp dùng Kim Cương Phộc

Co Tiên Lực (hai ngón trỏ) như móc

_ Nhấn móc liền giao chặt

Chẳng giải Phộc, búng tay

_ Dựng cái, tiếp co ngược

_ Chẳng sửa cái, hung tiếp

Duỗi sáu, rồi xoay chuyển

_ Hai trước cũng chẳng sửa

Giữa Phộc dưới bốn Tràng

_ Chẳng đổi Tượng Ấn trước

Mở ngược, buông ở miệng

_ Do Phộc, dựng Thiên Trí (hai ngón cái)

Co Tiên Lực (hai ngón trỏ) như sen

_ Do Phộc, dựng Nhấn Nguyện (hai ngón giữa)

Co lỏng trên như Kiếm (cây Kiếm)

_ Nhấn nguyện (hai ngón giữa) theo vào Phộc

Dụng bốn, dụng năm giao

_ Do Phộc, Tiến Lực (hai ngón trở) sen

Mở Thiên Trí (hai ngón cái) ngả dựa

Cài sáu Độ (sáu ngón) rời che

_ Cái (ngón cái) đều vịn móng út (ngón út)

Tiến Lực (hai ngón trở) Kim, ngang tim

_ Mở Tiến Lực (hai ngón trở) Đàn Tuệ (hai ngón cái)

Dụng út, Tiến Lực (2 ngón trở) móc

_ Phộc, cái vịn gốc út

Tiến Lực (2 ngón trở) trụ ở lưng

_ Phộc, dụng dựa Thiên Trí (2 ngón cái)

Ấn này giương ngang trán

Từ rón, miệng, ngựa bung

Xoay múa chương ở Đỉnh

Do Phộc, bung bên dưới

_ Từ Phộc, ngựa mở hiển

_ Do Phộc, Thiên Trí (hai ngón cái) Kim

Giải Phộc, xoa lồng ngực

_ Do phộc, Tiến Lực (hai ngón trở) móc

_ Thiên (ngón cái phải) vào hồ khẩu Trí (ngón cái trái)

_ Bốn trên giao như vòng

_ Thiên Trí (hai ngón cái) vào chưởng, rung

Bốn Ấn rồi một Phộc

Mỗi mỗi tụng Chân Ngôn

Các Chân Ngôn ấy là:

1.Tam ma gia, tát đất noan

· Samaya Stvamī

2.A năng dã, tát đất noan

· Ànaya Stvamī

3.A học tổ khư

· Ahohī Sukha

4.Sa độ, sa độ

· Sàdhu Sàdhu

5.Tổ ma hạ, tát đất noan

· Sumahà Stvamī

6.Lỗ bỏ nễ dữu đá

· Rùpa Udyota

7.A tha bát la đề

· Artha pràpti

8.Hạ Hạ Hạ Hồng Hách

- Ha Ha Ha Hùmĩ Hahĩ

9.Tát phộc cxa lị

- Sarva Kàri

10.Nậu khứ thiết ná

- Duhikha ccheda

11.Một đà một địa

- Buddha Bodhi

12.Bát la đễ xả tả ná

- Prati‘Sabda

13.Tổ phộc thủy đất noan

- Suva‘si Tvamĩ

14.Ninh lậ bà đả đất noan

- Nirbhà ya Tvamĩ

15.Thiết đót lễ bạc khát xoa

- ‘ Satrù Bhaksĩa

16.Tát phộc tát địa

- Sarva Siddhi

(Trên đây là 16 Tôn)

1.Ma hạ la đễ

- Mahà Rati

2.Lỗ bá thú bệ

- Rùpa ‘Sobhe

3.Thú lỗ đất la đầu khú đã

- ‘Sotra Saukhya

4.Tát phộc bó nễ

- Sarva Pùje

5.Bát la hạ la nễ ninh

- Prahla dini

6.Bả la nga nhĩ

- Phàla gami

7.Tổ đế nhạ nghi lị

- Suteja Agri

8.Tổ nghiên đà, nghi

- Sugandha Anøgi

(Phần trên là 8 Cúng Đường)

1.A đã hê, nhược

- Àyahi Jahĩ

2.A hê Hồng Hồng

- Ahi Hùmĩ Hùmĩ

3.Tứ sa phỏ tra, noan

· He – Sphotia – Vami

4. Khú tra _ Ác ác

· Ghamit̃ia _ Ahĩ Ahĩ

(Phần trên là 4 Nhiếp)

---o0o---

KIM CƯƠNG GIỚI ĐẠI NOA LA

**TỶ LÔ GIÁ NA NHẤT THIẾT NHƯ LAI TỘC BÍ MẬT TÂM ĐỊA ÁN
CHÂN NGÔN - CÚNG DƯƠNG BỘ (Thứ Tư)**

Kính lễ Tỳ Lô Tôn

Hay vì Tụ Tại Vương

Diễn nói Cúng Dương Bộ

Cúng dường các Như Lai

Nên kết Kim Cương Phộc

Tướng Án Từ Tim khởi

Đàn kết Biến Chiếu Tôn

Nghi Án của Yết Ma

Chân Ngôn là: “ ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật la đà đát vi, nỗ đá la, bố nhạ, sa phả la noa, tam duệ, Hồng”

OMĩ – Sarva Tathàgata Vajradhàtve Anuttara pùja, spharania samaye Hùmi.

Tiếp kết Kim Cương Tát Đỏa Yết Ma Án (Húc Địa Thủ- tay chạm đất)

ÁN – Tát phộc đát tha nga, phộc nhật la tát đát phộc, nỗ đá la bố nhạ, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajrasatva, Anuttara pùja, spharania samaye Hùmi.

Tiếp kết Kim Cương Bảo Yết Ma Ấn (Thí Nguyện Thủ – Tay Thí Nguyện”

ÁN – Tát phộc đát tha nga, phộc nhật la la đát năng, nỗ đá la bố nhạ, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajra Ratna, Anuttara pùja, spharania samaye Hùmi.

Tiếp kết Kim Cương Pháp Yết Ma Ấn (Pháp Định Thủ – tay pháp định)

ÁN – Tát phộc đát tha nga, phộc nhật la đạt la ma, nỗ đá la bố nhạ, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajra Dharma, Anuttara pùja, spharania samaye Hùmi.

Tiếp kết Kim Cương Nghiệp Yết Ma Ấn (Tối Thượng Thủ –Tay Tối Thượng)

ÁN – Tát phộc đát tha nga, phộc nhật la ca la ma nỗ đá la bố nhạ, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajra Karma, Anuttara pùja, spharania samaye Hùmi.

Tiếp trên trái tim, Kim Cương Phộc Mật Ngũ là(Nhập Phộc Thủ 16)

“ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, tát phộc đát ma, ninh lị đã đá năng, bố nhạ, sa phả la noa, ca la ma phộc nhật lị, Àuc”

OMĪ_Sarva Tathàgata, sarva Atma Niryatana pùja spharania Karma Vajri Ahī

- Hữu Hiệp (hông bên phải) Mật ngôn là:

(Theo sự khảo cứu của chúng tôi thì Kinh Bản này bị thiếu sót và sai lệch thứ tự cúng dường, nên chúng tôi bổ xung bằng phần Phạm Âm, còn phần nào có đủ cả hai âm dịch thì thuộc Kinh Bản này)

OMĪ _ Sarva Tathàgata, sarva Atma Niriyàtana pùja spharania, Karma Agri_ Jahi

_ Tả Hiếp (Hông bên trái) Mật Ngôn là:

- OMĪ – Sarva Tathàgata, sarva Atma Niriyàtana Anu Ràgaya, pùja spharania Karma vania Hùmi Hohi

Phía sau eo, Mật Ngôn là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, tát phộc đát ma, sa độ ca la, bố nhạ, sa phả la noa, ca la ma đồ sử trí, sách’

- OMĪ – Sarva Tathàgata, sarva Atma Niriyàtana, Sàdhu kàra pùja spharania, Karma Tusitii – SAHĪ ĩ

(Bản Kinh này ghi nhận Mật Ngôn này ở hông phải)

Trên đỉnh, (nam) Mật Ngữ là:

ÁN – Nãng mạc tát phộc đát tha nga đá, tị sái ca la đát ninh tỳ dụ, phộc nhật la ma ni – ÁN

OMĪ – Namahĭ sarva Tathàgata Abhisieka Ratnebhyahĭ Vajra Manii _ OMĪ

Xoay chuyển trên trái tim như tướng xoay chuyển của mặt trời, Mật Ngữ là:

OMĪ – Namahĭ sarva Tathàgata sùryebhyahĭ, Vajra Tejini Jvala – Hrihi.

Trên đỉnh, Mật ngữ là:

ÁN – Nãng mạc tát phộc đát tha nga đá, xả bá lệ bố la noa tức đá ma ni, đà phộc nhạ, nghi lệ, đát lãm.

OMĪ – Namahĭ sarva Tathàgata ‘Saparipurnia Cintamanii dhvaja Agrebhyahĭ, Vajra dhvaja Agri – Trami

(Theo Bản này thì đây là Mật Ngữ trên trái tim)

Chỗ lúm đồng tiền trên miệng, giải tán Mật Ngữ là:

“ÁN – Năng mạc tát phộc đát tha nga đá, ma hạ tất lị đễ, bát la mô nễ đã ca lê tỳ dụ, phộc nhật la ha tế, hách”

OMĪ – Namahī sarva Tathàgata, mahà prīti pramodya Kàrebhyahī Vajra Hāse- Hahī.

Trên miệng (phía tây) Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật la đạt la ma đá, tam ma địa tịch, tát đở nỗ nhĩ, ma hạ đạt la ma nghi lị, ngọt lị dĩ.

OMĪ – Sarva Tathàgata Vajra Dharmata samadhībhyahī stutomi, Mahà Dharma agri – Hrīhī.

Tai bên phải Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, bát la nhạ noa, bá la nhĩ đá, tị ninh la hạ lại, tát đở nỗ nhĩ, ma hạ cụ sái nỗ nghê, đạm.

OMĪ – Sarva Tathàgata Prajnōapàramita Abhinirhàre Stutomi, Mahà Ghosīa Anuge – Dhamī.

Tai bên trái, Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, tác yết la khắt xoa la, bá lị phộc lật đá năng – tát phộc tổ đát lam đát năng đã duệ, tát đở nỗ nhĩ, tát phộc man noa la Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Cakra Aksīara paripravarttana sarva sùtramī sanāyaye stutomi, sarva manīdīala – Hūmī

Phíc sau đỉnh, Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, tán đà bạc sái, một đà tăng nghi đễ tị, nga nẫm, tát đở nỗ nhĩ phộc nhật la phộc tế, tác”

OMĪ – Sarva Tathàgata samīdha Bhàsia, Budha Samigìtibhyahī gādami stutomi, Vajra vāce – Cahī.

Hướng trên đỉnh (phía Bắc) Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, độ bá ninh già tam mầu nại la, sa phả la noa, bô nhạ ca la nhĩ ca la, ca la.

OMĪ – Sarva Tathàgata Dhùpa megha samudra spharanīa pùja Karne kara – Karahī

Hoa trên vai phải, Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, bô sất bả, bát la ma la, sa phả la noa, bô nhạ, yết la nhĩ, chỉ lị, chỉ lị.

OMĪ – Sarva Tathàgata pusīpa pramāla spharanīa pùja karne kili_ Kilihi.

Đèn trên đui phải, Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, lộ ca nhập phộc la, sa phả la noa, bô nhạ, yết la nhĩ, bà la, bà la.

OMĪ – Sarva Tathàgata Aloka jvala spharanīa pùja karne bhara_ Bharahī.

Dầu thơm (Đồ hương) trên trái tim, Mật Ngữ là:

ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, ngạn đà ninh già sam mầu nại la, sa phả la noa, bô nhạ, yết la nhĩ cù lố, cù lố.

OMĪ – Sarva tathàgata Gandha megha samudra spharanīa pùja karne kuru_ Kurahī.

Tiếp kết Tán Hoa Khé

Quán sát ở mười phương

Nói: Nay con Cầu Thịnh

Chư Phật chuyển Pháp Luân

Lại nên tác niệm này

Nay Chiêm Bộ Châu này

Cùng với mười phương Giới

Người Trời, ý sinh hoa

Hoa trên bờ dưới nước

Đều cảm hiển mười phương

Tất cả Đại Bồ Tát

Các quyền thuộc trong Bộ

Khế, Minh, Mật, chư Thiên

Con vì cúng dường khắp

Tất cả các Như Lai

Đề tác làm sự nghiệp

Mật Ngữ là: “ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, bồ sất ba bố nhạ mính già, tam mầu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng”.

*OMĪ – Sarva Tathàgata Pusipa pùja megha samudra spharania samaye
Hùmĭ

Lại kết Thiêu Hương Khế

Rồi tác suy tư này

Hương Bản Thể Người Trời

Hương hoà hợp, biến dịch

Vì Như Lai Yết Ma

Nay con đều phụng hiến

(Phần Mật Ngữ lại ghi nhầm Mật Ngữ của Đồ Hương Khế và thiếu mất phần này – Nay chúng tôi xin bổ xung như sau:

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đất tha nga đá, độ bá nhạ ninh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Dhùpa pùja megha samudra spharania samaye Hùmi

Lại kết Đồ Hương Khế

Rồi tác suy tư này

Hương Bản Thể Người Trời

Hương hoà hợp biến dịch

Hương sai khác như vậy

Vì Như Lai Yết Ma

Nay con đều phụng hiến

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đất tha nga đá, nghiễn đà, bá nhạ ninh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Gandha pùja megha samudra spharania samaye Hùmi

Tiếp kết Đấng Khế xong

Rồi tác suy tư này

Sinh Bản Thể Người Trời

Với Quang Minh sai biệt

Vì tác làm sự nghiệp

Nay con đều phụng hiến

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, nễ bá bôu nhạ ninh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Dìpa pùja megha samudra spharania samaye Hùmi

Tam Muội Gia Bản Khế

Nên tác niệm như vậy

Giới này với Giới khác

Núi báu, các loại báu

Trong đất và trong biển

Đem tất cả cúng dường

Vì Như Lai Yết Ma

Nay con đều phụng hiến

Nên tụng Mật Ngữ này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, mạo ninh diển nga la đát nẳng, lãng ca la, bố nhạ ninh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Bodhyamiga Ratna Alamikàra pùja megha samudra spharania samaye Hùmi

Tiếp kết Hy Hý Khế

Nên tác suy tư này

Sở hữu của Người Trời

Mọi thứ, sự chơi đùa

Cười vui, đồ kỹ nhạc

Đều đem cúng dường Phật

Vì tác làm sự nghiệp

Nay con sẽ phụng hiến

Phộc: cái vịn gốc út

Tiến Lực (hai ngón trở) trụ trên lưng

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, hạ tả la tả, chỉ lị noa, la đê, tảo xí
dã nỗ đá la, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ,
Hồng

OMĩ – Sarva Tathàgata Hàsya Làsya kridà Rati saukhya Anuttara pùja
megha samudra spharanĩa samaye Hùmĩ.

Tát Đỏa Tam Muội Gia

Nên tác suy tư này

Nhóm Kiếp Thọ như vậy

Hay cho mọi thứ áo

Nghiêm thân kẻ giàu có

Đều đem cúng dường hết

Vì tác làm sự nghiệp

Nay con sẽ phụng hiến

Tụng Bí Mật Ngôn này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, nỗ đa la phộc nhật lố bá ma địa,
bà phộc năng bá năng, bộ nhạ năng, phộc sa năng, bố nhạ minh già, tam mẫu
nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata Anuttara Vajra upama samàdhi Bhàvanīa pàna
Bojana vāsana pūja megha samudra spharanīa samaye Hūmī.

Yết Ma Tam Muội Gia

Nên tác suy tư này

Ở trong Tạng Hư Không

Hết thấy các Như Lai

Con đều xin thừa sự

Tướng trước mỗi vị Phật

Đều có thân của Ta

Luôn gần gũi phụng thờ

Nên tụng Mật Ngữ này

Chân Ngôn là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, ca dã ninh lị dã đá nãg bố nhạ
mính già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgatakàya, Niryātana pūja megha samudra spharanīa
samaye Hūmī.

Đạt Ma Tam Muội Gia

Nên tác suy tư này

Nay con ở thân này

Cùng các hàng Bồ Tát

Quán Thực Tính các Pháp

Bình Đẳng không sai khác

Đã tác Quán ấy xong

Nên tụng Mật Ngữ này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá tức đá, ninh lị dã đát nãng, bố nhạ minh già, tam mẩu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ –Sarva Tathàgata citta Niryatana pūja megha samudra spharania samaye Hūmī.

Bảo Tràng Tam Muội Gia

Nên quán: Trong sinh tử

Tất cả loại chúng sinh

Bị khổ não ràng buộc

Vì nặng lòng thương xót

Nay con sẽ cứu hộ

Và hộ tâm Bồ Đề

Kẻ chưa độ khiến độ

Kẻ chưa an khiến an

Đều khiến được Niết Bàn

Với mưa mọi thứ báu

Khiến mãn túc mong cầu

Tác suy tư ấy xong

Nên tụng Mật Ngôn này

Mật Ngữ là: ÁN –Tát phộc đát tha nga đá, ma hạ phộc nhật lổ ná bà phộc, ná năng, bá la nhĩ đả, bố nhạ, minh già, tam mẫn nại la, sa phả la noa, tam ma duệ, Hồng.

OMĪ –Sarva Tathàgata Mahà Vajra udbhava Dànapàramita, pùja megha samudra spharāñia samaye Hùmi.

Tiếp kết Hương Thân Khế

Tam Muội Gia Đồ Hương

Rồi tác suy tư này

Nguyện tất cả chúng sinh

Các Bất Thiện ba Nghiệp

Nguyện thấy đều mau lìa

Tất cả các Pháp lành

Nguyện thấy đều thành tựu

Nên tụng Mật Ngôn này

Mật Ngữ là: ÁN –Tát phộc đát tha nga đá, nỗ đá la ma hạ mạo địa dã hạ la ca, thí la bá la nhĩ đả, bố nhạ minh già, tam mẫn nại la, sa phả la noa tam ma duệ, Hồng.

OMĪ – Sarva Tathàgata, Anuttara, Mahà Budhya Hāraka ‘Sīla pàramita pùja megha samudra spharāñia samaye Hùmi.

Kết Yết Ma Húc Địa (chạm mặt đất)

Lại nên tác niệm này

Nguyện tất cả chúng sinh

Tâm Từ không nào hại

Mau lia các sợ hãi

Nhìn nhau tâm vui vẻ

Các tướng tốt trang nghiêm

Thành Pháp Tạng thâm sâu

Nên tụng Chân Ngôn này

Mật Ngữ là: ÁN –Tát phộc đát tha nga đá, nồ đá la, ma hạ đạt la ma phộc mạo đạt, khất sản đễ bá la nhĩ đá, bố nhạ, minh già, tam mầu nại la sa phả la noa, tam ma duệ Hồng

OMĪ - Sarva Tathàgata, Anuttara Mahà Dharma va Bodha, Ksīanti pàramita, pūja megha samudra spharāṇīa samaye Hūmī.

Đầu Thắng Tinh Tiến khế

Tam Muội Gia Giáp Trụ

Nên tác suy tư này

Nguyện tất cả chúng sinh

Bậc hành Hạnh Bồ Tát

Mặc giáp trụ bền chắc

Mật Ngữ là: ÁN - Tát phộc đát tha nga đá, tăng sa la bá lệ đễ đả bá la nhĩ đá, bố nhạ, minh già, tam mầu nại la sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ -Sarva Tathàgata, samisàra Aparityàga Anuttara Mahà Vīrya pàramita, pūja megha samudra spharāṇīa samaye Hūmī.

Kết Tam Ma Địa Khế

Hoa, Phương, Phật, Yết Ma

Nên tác suy tư này

Nguyện tất cả chúng sinh

Điều phục nơi Phiền Não

Tùy Phiền Não, oán thù

Được Thiên Định thâm sâu

Rồi tụng Mật ngữ này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, nồ đá la, ma hạ táo xí dã vĩ hạ la, địa dã năng bá la nhĩ đá, bố nhạ, minh già, tam mẫu nại la sa phả la noa, tam ma duệ Hồng.

OMĪ -Sarva Tathàgata, anuttara Mahà saukhya vihàra, Dhyànapàramita, pùja megha samudra spharania samaye Hùmi.

Tiếp kết Biến Chiếu Tôn

Yết Ma Thắng Khế xong

Rồi tác suy tư này

Nguyện tất cả chúng sinh

Thành tựu năm loại Minh

Thế Gian, Xuất Thế Gian

Trí Tuệ, thành tựu khắp

Đề được Chân Thật Kiến (cái thấy chân thật)

Trí trừ phiền não chướng

Nhóm biện tài vô úy

Phật Pháp trang nghiêm tâm

Rồi tụng Mật Ngữ này

Mật Ngữ là: ÁN – Tát phộc đát tha nga đá, nồ đá la chi lễ xả, nhạ noa đã, phộc la noa, phộc sa nắng, vĩ nắng đã nắng, ma hạ bát la nhạ noa, bá la nhĩ đá, bố nhạ minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ hồng.

OMĪ –Sarva Tathagata Anuttara Kle‘sa Jnōaya avaraniā vāsana vināyana, Mahā Prajnōapāramita, pūja megha samudra spharaniā samaye Hūmī.

Thẳng Thượng Tam Ma Địa

Ấn Khế tiếp nên kết

Hai vũ, (hai bàn tay) cùng cài ngoài

Khiến Thiên Trí (hai ngón cái) vịn nhau

Ngửa đặt ở nơi bụng

Nên tác suy tư này

Tính Chân Thật các Pháp

Không, Vô Tướng, Vô Tác

Các Pháp đều như vậy

Quán xong tụng Mật Ngôn

Mật Ngữ là: ÁN –Tát phộc đát tha nga đá, ngu hê đã ma hạ bát la đê bá đê, bố nhạ minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ hồng.

OMĪ –Sarva Tathagata Gūhya, Mahā pratipāti, pūja megha samudra spharaniā samaye Hūmī.

Tiếp nên hợp móng ngón

Rồi tác suy tư là:

Hai tay Kim Cương Quyền

Tiến Lục (hai ngón trỏ) miệng Thiền Trí (hai ngón cái)

Nay con nói ra lời

Nguyện tất cả chúng sinh

Thấy đều khiến được nghe

Tụng Bí Mật Ngôn này

Mật Ngữ là: ÁN –Tát phộc đất tha nga đá, phộc chỉ dã, ninh lệ dã đất nãng, bố nhạ minh già, tam mẫu nại la, sa phả la noa, tam ma duệ hồng.

OMĪ –Sarva Tathàgata vaksīya Niriyātana pūja megha samudra spharanīa samaye Hūmī.

Như vậy rộng làm Phật Sự xong

Tiếp nên thành tâm mà niệm tụng

Chúng Hội, quyền thuộc tự vây quanh

Trụ ở Viên Tịch Đại Kính Trí

Nên kết Kim Cương Tam Muội Gia

Rồi tụng Kim Cương Bách Tự Minh

Tiếp tụng Kim Cương Tát Đỏa Minh

Ba biến, năm biến hoặc bảy biến

Chân Ngôn là: ÁN –Phộc nhật la tát đất phộc, tam ma dạ, ma nỗ bát la dã, phộc nhật la tát đất phộc đất vị nỗ bá đễ sắt xá, niết lệ trà minh bà phộc, tổ đố sắt dục ninh bà phộc, a nỗ la ngật đố ninh bà phộc, tổ bà sắt dục ninh bà phộc tát phộc tát trầm ninh bà phộc, bát la dã tha, tát phộc yết ma tổ tả, minh, tức đá, thất lệ dục câu lễ, hồng, ha ha, ha,ha, hộc- bà nga noan, tát phộc đất tha nga đá, phộc nhật la, ma, minh, muội tả, phộc nhật la bà phộc, ma hạ tam ma dã, tát đất phộc, Àuc.

OMĪ –Vajrasatva samayam Anupàlaya - Vajrasatva tvena upatisītia –
Dirīdho me bhava- Sutosīyo me bhava- Suposīyo me bhava- Anurakto me
bhava- Sarva siddhimī me prayaccha sarva karmasu ca me cittamī ‘sriyamī
kuru Hūmī Ha Ha Ha Ha Hohī – Bhagavamī – Sarva Tathàgata Vajra, mà
me munōca _Vajri bhava- Mahà samaya satva- Ahī.

Tiếp nên dâng tràng hạt

Tụng Chân Ngôn bảy biến

Lại dùng Câu Gia Trì

Như Pháp mà gia trì

Ngồi thẳng như Nghi Tác

Nên dùng Kim Cương Ngữ

Một ngàn hoặc một trăm

Tuỳ ý mà niệm tụng

Chân Ngôn là: ÁN –Phộc nhật la tát đát phộc

OMĪ – Vajrasatva

Hai vũ (2 tay) nâng tràng hạt

Bản Chân Ngôn bảy biến

Nâng đến đỉnh và tim

Ngàn chuyển dùng gia trì

Chân Ngôn là: ÁN – Phộc nhật la ngu hê đả nhạ bá tam ma duệ, Hồng

OMĪ – Vajra gūhye japa samaye Hūmī

_ Đả gia trì chuỗi xong

Trụ Đẳng Dẫn mà tụng
Chẳng động mạnh đầu lưỡi
Môi răng cùng ngậm kín
Thành tựu các Mật Giáo
Kim Cương Ngũ lìa tướng
Theo thân quán tướng tốt
Bốn thời chẳng gián đoạn
Trăm ngàn làm hạn định
Lại nữa vượt hơn đây
Thần Thông và Phước Trí
Thấy đời đồng Tát Đỏa
Niệm tụng hạn định xong
Nâng chuỗi, phát Đại Nguyện
_ Kết Tam Muội Gia Khế
Vào Tam Muội Pháp Giới
_ Hành Giả rời Tam Muội
Liên kết Căn Bản Ấn
Niệm Bản Minh bảy biến
_ Lại kết tám Cúng Dường
Dùng diệu âm tán thán

Hiền nước thơm Ứ Già

Dùng Giáng Tam Thế Ấn

Chuyên trái mà Giải Giới

_ Tiếp kết Tam Muội Quyên

Mật tụng rồi đẩy mở

_ Tiếp kết Yết Ma Quyên

Ba tụng, ba mở tay

Từ mỗi mỗi sinh ra

Hết thảy tất cả Ấn

Nơi mỗi mỗi nên Giải

Do Chân Ngôn Tâm này

Chân Ngôn là: AN – Phộc nhật la mục khát xoa mục.

OMĪ – Vajra muksia Muhī

Tiếp kết Phụng Tống Ấn

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) như cánh sen

Đầu ngón để hoa mùa

Tụng xong ném lên trên

Tác Phụng Tống Thánh Chúng

Chân Ngôn là: ÁN – Ngật li đố phộc, tát phộc tát đát phộc la tha tát đê ná, đá
dã tha, nỗ nga nghiêp tha đà noan, một đà vĩ sái dã, bố năng la nga ma năng
dã đố, ÁN –Phộc nhật la tát đát phộc mục khất xoa mục.

OMĪ – Kṛitovahī, sarva satva artha siddhirdatta yatha anugacchathamī
Buddha viśīyamī punarāgamanāyatu – OMĪ - Vajra satva muksīa Muhī.

Tiếp nên kết Bảo Án

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Tiến Lực (hai ngón trỏ) như hình bấu

Thiền Trí (hai ngón cái) cũng lại thế

Tướng Án từ tim khởi

Đặt ở nơi quán đỉnh

Chia tay như cột Man(vòng hoa)

Tiếp kết Giáp Trụ Án

Chân Ngôn là: ÁN –Phộc nhật la la đát năng, tị sần tả hàm, tát phộc mẫu ná-
lam ninh, niết li trĩ câu lộ, phộc nhật la ca phộc tả năng noan.ÁN - Châm.

OMĪ – Vajra Ratna Abhisīimica māmī- SarvaMudramī me, Dīridhi kuru,
Vajra Kavācena – Vamī_ OMĪ TĪUMĪ

Tiếp kết Bị Giáp xong

Ngang chuông vỗ ba lần

Khiến Thánh Chúng vui vẽ

Dùng Tâm Chân Ngôn này

Giải Phộc đợc hoan hỷ

Đắc đợc Thở Kim Cương

Chân Ngôn là: ÁN -Phộc nhật la đồ sắt dã, học.

OMĪ – Vajra tusiya Hohi

Phụng Tống Thánh Chúng xong

Nên kết Gia Trì Khế

Tụng Minh gia bốn nơi

Quán Đỉnh, mặc Giáp Trụ

Lại tác Nghi Phách Án (vỗ tay)

Như trước lễ bốn Phật

Sám Hối và Phát Nguyện

Sau đó y Nhàn Tĩnh

Dâng hương hoa nghiêm sức

Trụ ở Tam Ma Địa

Đọc tụng Diễm Đại Thừa

Tuỳ ý mà Kinh Hành

QUYỂN HẠ (Hết)

27/ 09 / 2001

---o0o---

Hết

